



VINAPLAST

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2014**

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM

Năm báo cáo 2014

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300381966
- Vốn điều lệ theo giấy đăng ký kinh doanh chưa điều chỉnh: 198.000.000.000 đồng
(*Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám tỷ đồng chẵn*).
- Vốn điều lệ theo quyết định số 944/QĐ-BCT ngày 07/02/2013 của Bộ Công Thương: 194.289.130.000 đồng (Một trăm chín mươi bốn tỷ hai trăm tám mươi chín triệu một trăm ba mươi ngàn đồng chẵn)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 194.289.130.000 đồng
- Trụ Sở chính:
 - Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn
- Địa điểm kinh doanh:
 - Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, Phường 02, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
 - Tel : (84-8) 39453301 – 39453302 – 39453303 – Fax : (84-8) 39453298
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn
- Văn phòng đại diện:
 - Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Tầng 6, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 - Tel: (84-4) 22206091 – 22206097 – Fax: (84-4) 22206094
 - Email: VINAPLAST@VINAPLAST.com.vn
 - Website: www.VINAPLAST.com.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị trực thuộc Bộ Công nghiệp được thành lập từ những năm 70, quá trình hình thành và phát triển của Công ty như sau:

- Tháng 3/1976 Công ty tạp phẩm (tiền thân của Công ty Nhựa Việt Nam) được thành lập với các sản phẩm chủ yếu bao gồm sản phẩm nhựa, da giày, chất tẩy rửa,

- kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm, ...
- Để đáp ứng nhu cầu phát triển phù hợp với tình hình đổi mới của nền kinh tế, năm 1987, Công ty tạp phẩm đã được Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 421/CNn-TCCB ngày 01/12/1987 đổi tên thành Liên hiệp các xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm. Sản phẩm chính của Liên hiệp là sản phẩm nhựa, kim khí tiêu dùng, văn phòng phẩm.
 - Năm 1989, Bộ Công nghiệp nhẹ ra Quyết định số 437/CNn-TCLĐ ngày 11/11/1989 đổi tên Liên hiệp các Xí nghiệp Nhựa và Tạp phẩm thành Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa và lấy tên giao dịch là VINAPLAST.
 - Năm 1995, Liên hiệp Sản xuất – Xuất nhập khẩu nhựa được đổi tên thành Công ty Nhựa Việt Nam.
 - Năm 1996, Đảng và Nhà nước thực hiện chủ trương đổi mới hệ thống quản lý kinh tế và sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước để hình thành các tập đoàn kinh tế mạnh, Tổng Công ty Nhựa Việt Nam được hình thành tại Quyết định số 1189/QĐ-TCCB ngày 07/5/1996 bao gồm các doanh nghiệp Nhựa Nhà nước trực thuộc Trung ương với tên giao dịch vẫn được giữ nguyên là VINAPLAST, trong đó Công ty Nhựa Việt Nam là đơn vị nòng cốt để hình thành nên Tổng Công ty và thay thế Bộ Công nghiệp thực hiện vai trò quản lý ngành.
 - Năm 2003, thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc tiến hành cổ phần hoá các doanh nghiệp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phù hợp với tình hình mới của nền kinh tế, Bộ Công nghiệp đã ra Quyết định số 72/2003/QĐ-BCN ngày 06 tháng 5 năm 2003 thành lập Công ty Nhựa Việt Nam trên cơ sở bộ máy của Văn phòng và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam (cũ), được kế thừa các nghĩa vụ, quyền lợi của Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
 - Ngày 23/09/2008 VINAPLAST chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ là 198.000.000.000 đồng. Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0300381966 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh Giang cấp ngày 23/09/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 20/08/2013. Công ty đang thực hiện các thủ tục điều chỉnh vốn điều lệ theo quyết định của Bộ Công Thương và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2013 là 194.289.130.000 đồng.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính

3.1 Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic.	2220
2	Đại lý, môi giới, đấu giá.	4610
3	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.	8230
4	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu.	6619
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu.	4669
6	In ấn.	1811
7	Quảng cáo.	7310
8	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810
9	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện.	1629
10	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu.	1709
11	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh.	4773
12	Tái chế phế liệu.	3830
13	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật.	7210
14	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.	7730
15	Sản xuất thiết bị điện khác.	2790
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
18	Bốc xếp hàng hóa	5224
19	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
20	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải.	5229
21	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
22	Bán buôn thực phẩm	4632
23	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
24	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1020
25	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở)	1080
26	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành Kinh doanh Việt Nam	

Stt	Tên ngành	Mã ngành
	(Được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước: Công ty Nhựa Việt Nam, số ĐKKD: 4106000201, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp ngày 28/6/2006)	

3.2 Địa bàn kinh doanh

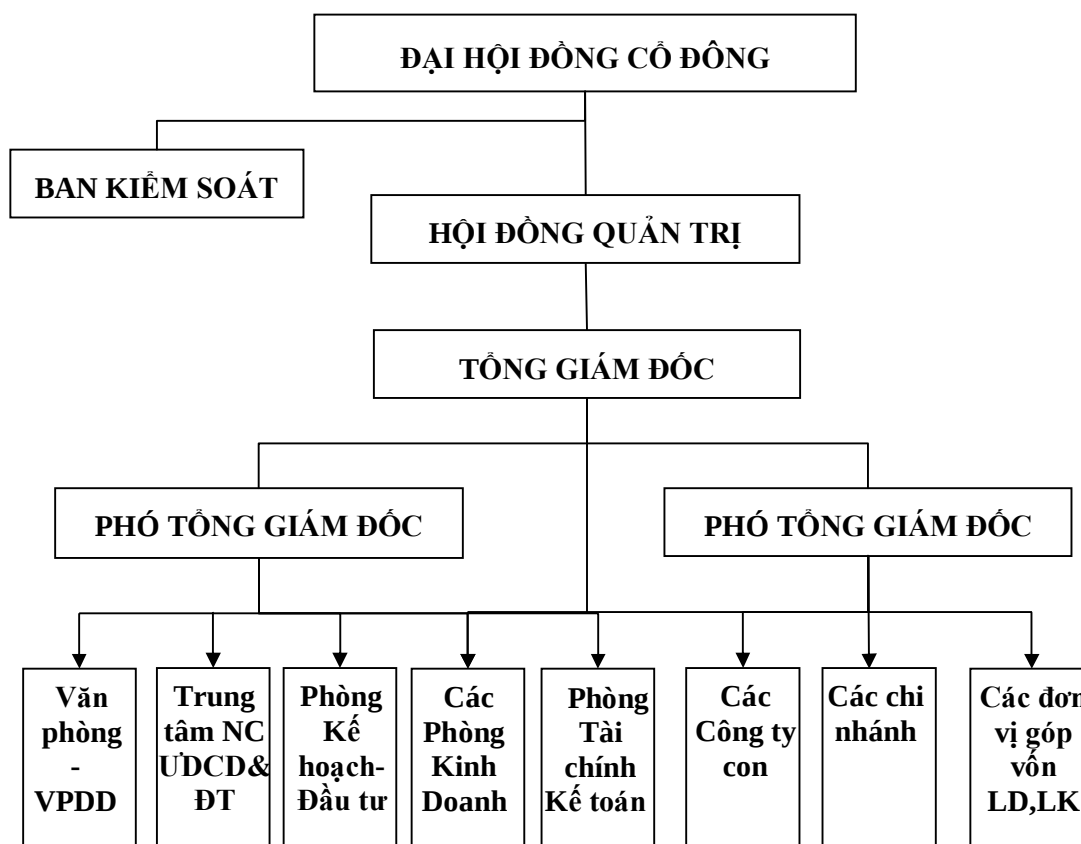
- Công ty được phép hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi cả nước và xuất khẩu sang các nước trong khu vực.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1 Mô hình quản trị Công ty

- Mô hình quản trị của Công ty gồm Đại hội Đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành đứng đầu là Tổng Giám đốc.
- Tổng Giám đốc quản lý, điều hành thông qua việc phân cấp, phân quyền để trực tiếp giải quyết các công việc cụ thể.

4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý.



4.3 Các công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết:

4.3.1 Các công ty con

4.3.1.1 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Trường An

- Địa chỉ: 18C Phạm Đình Hổ, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; Bán buôn máy móc, thiết bị sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn sắt thép; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài); Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.2 Công ty CP Nhựa Bắc Giang

- Địa chỉ: Km01, Đường Hoàng Hoa Thám, TP.Bắc Giang
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán bao bì nhựa và giấy in, may bao bì các loại. Sản xuất, mua bán phụ gia, nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm từ nhựa và giấy. Mua bán các loại máy móc thiết bị, phụ tùng phục vụ ngành sản xuất nhựa và giấy. Kinh doanh xăng dầu. Cho thuê hoặc thuê lại: Văn phòng, nhà xưởng, kho tàng, bến bãi, đất đai
- Tỷ lệ vốn góp: 51% vốn điều lệ

4.3.1.3 Công ty CP Nhựa Thăng Long

- Địa chỉ: 360 đường Giải Phóng, Phường Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Hà Nội
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ plastic; Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm; Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất chất phụ gia và hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước cấm): Sản xuất đồ dụng cụ thể thao nhựa; Sản xuất giày dép nhựa; Sản xuất thiết bị nha khoa và y khoa bằng nhựa. Sản xuất thiết bị quang học bằng nhựa; Sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo vệ an toàn cá nhân khác bằng nhựa. Sản xuất bút và các loại bút chì bằng cơ khí hoặc không. Sản xuất lõi bút chì; Sản xuất đồ chơi, chương trình trò chơi nhựa; Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; Bán buôn ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công

nghiệp, gia dụng; Bán buôn nguyên liệu, phụ gia, hóa chất cho ngành nhựa (trừ loại Nhà nước cấm); Bán lẻ ống nối, khớp nối, chi tiết lắp ghép khác và thiết bị lắp đặt vệ sinh bằng nhựa công nghiệp, gia dụng; Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ dụng cụ y tế bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ các sản phẩm của Công ty trong siêu thị, trung tâm thương mại, cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán buôn văn phòng phẩm. Bán buôn sản phẩm quang học. Bán buôn sản phẩm nhựa gia dụng. Bán buôn dụng cụ thể dục thể thao bằng nhựa; Bán buôn dụng cụ y tế bằng nhựa. Bán buôn sản phẩm trò chơi, đồ chơi bằng nhựa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng. Bán buôn máy móc, thiết bị y tế bằng nhựa; Bán lẻ tủ, bàn, ghế trong các cửa hàng chuyên doanh. Bán lẻ đồ gia dụng bằng nhựa trong các cửa hàng chuyên doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại; Sản xuất máy luyện kim; Sản xuất máy làm nhựa hoặc cho sản xuất sản phẩm của nguyên liệu này; Sản xuất các cấu kiện kim loại; Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại; Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính); Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế; Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thiết bị quang học; Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm); Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; Đúc sắt, thép; Đúc kim loại màu; Sản xuất khung tranh ảnh bằng gỗ. Sản xuất khung tranh ảnh sơn dầu cho nghệ sỹ; Sản xuất sổ sách, sổ kế toán, bìa rời, an – bum và các đồ dùng văn phòng phẩm tương tự dùng trong giáo dục; Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học; Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm; In ấn; Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại nhà nước cấm).

➤ Tỷ lệ vốn góp: 41,92% vốn điều lệ

4.3.1.4 Công ty CP Nhựa Việt Phước

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất sản phẩm từ Plastic; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp, chi tiết: Lắp đặt thi công sản phẩm từ Plastic; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Buôn bán sản phẩm từ Plastic.
- Tỷ lệ vốn góp: 99,52% vốn điều lệ

4.3.1.5 Công ty TNHH MTV TM&DV Nhựa Số Một

- Địa chỉ: 403 Nguyễn Thái Bình, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm nhựa. Bán buôn phụ gia, hóa chất, dung môi, mực in ngành nhựa; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Đại lý, môi giới, đấu giá; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm từ nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm; Vận tải hành khách đường bộ khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.1.6 Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam

- Địa chỉ: 300B Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Buôn bán hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa, chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán buôn sản phẩm từ nhựa. Bán buôn phụ gia. Bán buôn hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán buôn dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán buôn tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hạt nhựa, nhựa tổng hợp, phế liệu nhựa (không hoạt động tại trụ sở), chất dẻo dạng nguyên sinh, bột giấy. Bán lẻ sản phẩm từ nhựa. Bán lẻ phụ gia. Bán lẻ hóa chất (trừ hóa chất sử dụng trong nông nghiệp). Bán lẻ dung môi, mực in phục vụ cho ngành nhựa. Bán lẻ tơ, xơ, sợi tổng hợp phục vụ ngành dệt may; Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý. Môi giới (trừ môi giới bất động sản); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng ngành nhựa, ngành giấy, ngành xây dựng. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ; Bán buôn kim

loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt thép dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: phôi thép, thỏi thanh, tấm, lá, dải, sắt thép dạng hình (chữ T, chữ L, chữ I); Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, xi măng. Bán buôn bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, kinh doanh vận tải bằng đường hàng không, hóa lỏng khí để vận chuyển).

- Tỷ lệ vốn góp: 100% vốn điều lệ

4.3.2 Các công ty liên doanh

4.3.2.1 Công ty TNHH LD Việt Thái PlastChem

- Địa chỉ: Phường An Phú, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất hạt nhựa PVC
- Tỷ lệ vốn góp: 27,51% vốn điều lệ

4.3.2.2 Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC Vina

- Địa chỉ: Khu CN Gò Dầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất nhựa PVC.
- Tỷ lệ vốn góp: 15,00% vốn điều lệ

4.3.2.3 Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina

- Địa chỉ: Lô K-3-CN, KCN Mỹ Phước II, Thị trấn Mỹ Phước, Huyện Bến Cát, Tỉnh Bình Dương.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất bao bì từ plastic; Sản xuất các sản phẩm được tái chế từ màng nhựa BOPP.
- Tỷ lệ vốn góp: 30% vốn điều lệ

4.3.3 Các công ty liên kết

4.3.3.1 Công ty CP Nhựa Tân Phú

- Địa chỉ: 314 Lũy Bán Bích, Q.Tân Phú, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất và cung ứng các sản phẩm, bao bì bằng nhựa PET, PE, HDPE, PP, ...phục vụ cho ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chuyên mua bán nguyên liệu, vật tư, sản xuất phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công, nông, ngư nghiệp, giao thông, vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông và dân dụng. Chế tạo thiết bị máy móc, khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa; In ấn trên bao bì nhựa. Xây dựng dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông; Kinh doanh nhà ở; Cho

thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. Đại lý ký gửi, mua bán hàng hóa; sản xuất và mua bán nước tinh khiết đóng chai.

- Tỷ lệ vốn góp: 19,52% vốn điều lệ

4.3.3.2 Công ty CP Nhựa Vân Đồn

- Địa chỉ: 320 Bến Vân Đồn, P.2, Q.4, TP.HCM
- Ngành nghề kinh doanh: mua bán sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa. Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, vật tư sản xuất, máy móc thiết bị phụ tùng khuôn mẫu ngành nhựa; In bao bì; Hoạt động thiết kế chuyên dụng. Chi tiết: Thiết kế trực in ngành nhựa; Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chế tạo trực in ngành nhựa (trừ tái chế phế thải, gia công cơ khí, xi mạ điện); Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại. Chi tiết: Dịch vụ tổ chức hội chợ triển lãm; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Cho thuê văn phòng. Kinh doanh nhà ở; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: bán buôn nguyên liệu thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thức ăn thủy sản; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: Sản xuất sản phẩm bao bì nhựa mềm, bao bì nhựa rỗng, nhãn bao bì nhựa (trừ tái chế phế thải).
- Tỷ lệ vốn góp: 20,69% vốn điều lệ

4.3.3.3 Công ty CP SX TM DV Nhựa Mộc Nghệ An

- Địa chỉ: P.Vinh Tân, TP.Vinh, Tỉnh Nghệ An
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, mua bán các sản phẩm từ nhựa, gỗ, giấy; Tái chế phế liệu nhựa (Trừ phế liệu Nhà nước cấm); Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu; Buôn bán tổng hợp; Kinh doanh nhà trọ; Cho thuê kho, bãi đỗ xe, ki ốt bán hàng
- Tỷ lệ vốn góp: 49,00% vốn điều lệ
- *Từ ngày 31/12/2014 Công ty CP SX TMDV Nhựa, Mộc Nghệ An không còn là Công ty liên kết của Công ty CP Nhựa Việt Nam do Công ty CP Nhựa Việt Nam đã thoái hết vốn tại Công ty CP SX TMDV Nhựa, Mộc Nghệ An.*

5. Định hướng phát triển

5.1 Mục tiêu

- Tập trung vào các ngành nghề kinh doanh chính, trước mắt đẩy mạnh kinh doanh nguyên liệu nhựa, kinh doanh màng BOPP, kinh doanh chuỗi cách điện và sản xuất kết nhựa.

- Hình thành các Nhà máy sản xuất nhằm đưa các đề tài nghiên cứu khoa học vào ứng dụng thử nghiệm trong sản xuất, vừa gây dựng và phát triển thương hiệu, vừa tạo công ăn việc làm cho người lao động để đẩy mạnh năng suất lao động.
- Thực hiện một số dự án đầu tư mới có hiệu quả trên cơ sở cân đối được các nguồn vốn và nhu cầu thị trường, tạo ra sản phẩm nhựa do chính Vinaplast sản xuất.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Thoái vốn tại các đơn vị khó kiểm soát hoặc đầu tư vốn không có hiệu quả.

5.2 Tái cấu trúc Công ty

5.2.1 Tái cơ cấu tổ chức & quản trị của Công ty

- Đảm bảo vai trò đầu mối, định hướng phát triển của Vinaplast.
- Hoàn thiện, tinh gọn bộ máy quản lý nhưng vẫn đảm bảo hiệu quả trong điều hành.
- Thực hiện hiệu quả công tác giám sát, kiểm soát hoạt động các công ty thành viên của Công ty nhưng vẫn đảm bảo tính linh hoạt chủ động cho các đơn vị thành viên trong hoạt động SXKD thường nhật.
- Tạo ra các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, có tiềm lực tài chính lớn và chuyên ngành mạnh trên cơ sở cơ cấu lại các doanh nghiệp theo hướng tập trung nguồn lực và chuyên môn hóa sâu theo ngành kinh doanh chính.
- Giảm bớt đầu mối, chuyên môn hóa cao nhằm tránh cạnh tranh nội bộ và nâng cao hiệu quả công tác chỉ đạo, quản lý và điều hành; ứng dụng quản trị doanh nghiệp.
- Tăng cường năng lực của Người đại diện phần vốn, phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn và hạn chế kiêm nhiệm.

5.2.2 Tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh

- Sau khi tái cơ cấu Công ty sẽ vẫn tập trung phát triển các ngành nghề là thế mạnh và cốt lõi theo giấy đăng ký kinh doanh.
- Như vậy, nhiệm vụ kinh doanh chính trước mắt vẫn là kinh doanh thương mại, cho thuê tài chính và sản xuất nhỏ, từng bước giảm dần đầu tư tài chính theo lộ trình để tiến tới tập trung vào sản xuất sau khi có nguồn vốn triển khai các dự án đầu tư.

5.2.3 Tái cơ cấu đơn vị thành viên

- Xây dựng phương án tổ chức lại sản xuất kinh doanh, triển khai tái cơ cấu các doanh nghiệp thành viên để thực hiện chuyên môn hóa, phân công, hợp tác, không

dàn trải, phân tán nguồn lực, tránh cạnh tranh nội bộ theo hướng sáp nhập, hợp nhất các doanh nghiệp thành viên cùng ngành nghề.

- Giảm vốn, thoái vốn tại các đơn vị hoạt động không hiệu quả và các khoản đầu tư không phải sở trường sản xuất kinh doanh
- Chú trọng vào các công ty đóng vai trò quan trọng mà VINAPLAST có thể quyết định được các vấn đề liên quan đến kế hoạch SXKD, đầu tư. Đây là các công ty cần phải duy trì để đóng góp vào giá trị hợp nhất của Vinaplast.

Các công ty trong nhóm này phải là các công ty có hiệu quả cao trong hoạt động SXKD, đảm bảo phù hợp với định hướng đầu tư và phát triển của Công ty đặc biệt là trong định hướng phát triển giá trị gia tăng trong các sản phẩm của Công ty và định hướng phát triển sản xuất các sản phẩm trong nước chưa sản xuất được và thay thế nhập khẩu.

- Tăng cường mối quan hệ, liên kết giữa các đơn vị thành viên để khai thác các sản phẩm trong nội bộ VINAPLAST nhằm đảm bảo hiệu quả của toàn Công ty.
- Hình thành chuỗi cung ứng hoàn chỉnh cung cấp nguyên liệu để sản xuất ra sản phẩm nhựa tại một số đơn vị thành viên chủ chốt.

5.2.4 Tái cơ cấu tài chính

- Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả cao
- Ưu tiên cho phát triển các sản phẩm sản xuất kinh doanh có hiệu quả
- Công ty mẹ và các đơn vị thành viên có tình hình tài chính lành mạnh, cân đối về nguồn vốn kinh doanh. Sử dụng vốn có hiệu quả kể cả vốn đầu tư trong từng dự án.
- Tập trung vốn trả nợ khoản vay ngắn hạn, ổn định sản xuất kinh doanh.
- Nâng cao giá trị lợi nhuận tuyệt đối.

5.2.5 Đổi mới công tác quản trị nguồn nhân lực

- Đảm bảo đáp ứng được nhu cầu về nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao từ cấp đơn vị đến cấp Công ty trong giai đoạn từ nay đến 2015 và từ 2015 đến 2018.
- Bố trí hợp lý, khai thác tối đa hiệu quả công tác của người lao động.
- Xây dựng lại định biên lao động và thang bảng lương phù hợp theo hiệu quả công việc.

- Xây dựng quy định đánh giá chất lượng công việc, thời gian hoàn thành công việc theo mức A,B,C làm cơ sở để trả lương cho người lao động.
- Có các cơ chế lương, thưởng và phúc lợi thích hợp để người lao động yên tâm công tác cũng như thu hút thêm nguồn lao động mới.

5.2.6 Đổi mới về Quy hoạch đầu tư

- Đầu tư vào các ngành nghề chính, đặc biệt chú trọng phát triển các ngành sản xuất nguyên liệu phụ trợ.
- Đảm bảo tính hiệu quả của các dự án khi tiến hành đầu tư cũng như khi đưa vào hoạt động.

5.2.7 Tái cấu trúc sở hữu

- Tăng quy mô vốn điều lệ đối với các đơn vị thành viên kinh doanh hiệu quả và hoạt động trong các ngành chính.
- Thoái 100% vốn tại các công ty thành viên hoạt động kém hiệu quả.
- Niêm yết trên thị trường chứng khoán để tái cấu trúc lại vốn chủ sở hữu và huy động vốn từ thị trường này.

6. Các rủi ro:

- Rủi ro lớn nhất của Công ty hiện nay là tính thanh khoản. Với số vốn điều lệ được xây dựng từ khi chuyển sang Công ty Cổ phần là 198.000.000.000 đồng. Trong khi hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thương mại nên rất cần vốn và việc góp vốn vào các công ty liên doanh liên kết được kế thừa từ trước khi cổ phần hóa. Hiện nay, Công ty mất cân đối tài chính, áp lực lãi vay ngân hàng lớn, đặc biệt với hoạt động cho thuê tài chính thiết bị ODA không có hiệu quả trong khi phải vay ngắn hạn ngân hàng để thanh toán nợ đến hạn. Ngoài ra, vốn đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi cổ tức thu về từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất huy động ngắn hạn.
- Thay đổi các chính sách kinh tế vĩ mô, chính sách tín dụng...
- Biến động chênh lệch tỷ giá (đồng USD, CNY)...
- Rủi ro về biến động về giá nguyên liệu nhựa, thu hồi công nợ....

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh Công ty mẹ

Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng	492.693	371.119	75,32%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	-158.193	-10.216	
Cổ tức	%	5	0	

1.2 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất

Nội dung	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Tỷ lệ so sánh
Doanh thu thuần	Tr.đồng			
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng			
Cổ tức	%			

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ
Ông Lê Hoàng	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
	Phó chủ tịch (đến ngày 28 /06/2013)
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Phan Trung Nam	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 28 tháng 06 năm 2013)
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm từ ngày 28 /06/2013)

2.1.1.1 Ông Lê Hoàng

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/7/1961
- Nơi sinh: Hà Nội

- CMND: 001061000600 cấp ngày 20/12/2013 cấp tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 116 Yên Phụ - Nguyễn Trung Trực – Ba Đình – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán.
- Quá trình công tác:

Từ 1984 đến 1993	Cán bộ kế toán Công ty tạp phẩm – Liên hiệp SX – XNK Nhựa – Tổng Cty Nhựa Việt Nam.
Từ 1994 đến T5/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Nhựa Thăng Long – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 06/2004 đến 11/2004	Phó Giám đốc Nhà máy nhựa Thăng Long
Từ 12/2004 đến 6/2013	Giám đốc Công ty CP Nhựa Thăng Long, Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 6/2013 đến nay	Ủy viên HĐQT Công ty CP Nhựa Thăng Long
Từ 3/2008 đến 6/2013	Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 2009 đến nay	Đại diện phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 11/2009 đến 6/2013	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 12/2010 đến nay	Chủ tịch HĐQT Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An.
Từ 8/2011 đến T7/2013	Chủ tịch HĐQT Cty CP SX – TMDV Nhựa, Mộc Nghệ An
Từ 28/6/2013 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ T8/2013 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên HĐQT Youlchon Vina, Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- o Chủ tịch công ty TNHH MTV TMDV Nhựa Trường An
- o Thành viên HĐQT CTCP Nhựa Thăng Long
- o Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
- o Thành viên HĐQT Youlchon Vina.
- o Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina.
- Số CP nắm giữ: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 4.350.076 cổ phiếu, chiếm 22,39 % vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.2 Ông Phan Trung Nam

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Kế Toán trưởng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/6/1985
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 023538814 cấp ngày 14/6/2008 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Thành phố Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: KA25D Trần Xuân Soạn, Phường Tân Thuận Tây, Quận 7, HCM
- Số ĐT liên lạc: 39453301
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

- Quá trình công tác:

Từ 08/2006 đến 12/2010	Nhân viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST
Từ 01/2011 đến 9/2013	Phó phòng phụ trách phòng Tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 10/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 10/2010 đến nay	Ủy viên BCH Công đoàn Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước.
Từ 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 5/2014 đến nay	Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
Từ 01/7/2014 đến nay	Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Vân Đồn
 - o Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Phước
 - o Chủ tịch Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một
 - o Thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73 % vốn điều lệ.
 - o Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.3 Bà Vũ Thị Minh Thục

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch đầu tư
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 11/12/1979

- Nơi sinh: Hà Nội
- CMND: 001179000982 cấp ngày 27/11/2013 tại Cục Cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư.
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nam Lợi – Huyện Nam Trực – Tỉnh Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Phòng 113, B1, Ngõ 203 Phố Chùa Bộc, Phường Trung Liet, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.
- Số ĐT liên lạc: 0983236296
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ 8/2001 đến 8/2002	Công tác tại Công ty Nghiên cứu thị trường Taylor Nelson Sofres - Chuyên viên nghiên cứu thị trường
Từ 8/2002 đến 7/2003	Công tác tại Chi nhánh Hưng Yên - Công ty XNK Sành Sứ Thủy tinh Việt Nam thuộc Tổng Công ty Sành Sứ Thủy tinh Công nghiệp, Bộ Công nghiệp - Chuyên viên lao động tiền lương
Từ 7/2003 đến 2/2006	Chuyên viên Phòng Kế hoạch và Đầu tư
Từ 2/2006 đến 10/2006	Phụ trách nhóm Kế hoạch và Đầu tư tại VPĐD tại Hà Nội
Từ 10/2006 đến 10/2008	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 10/2008 đến 7/2013	Phó Phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 8/2013 đến nay	Trưởng phòng Kế hoạch và Đầu tư Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 7/2009 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang.
Từ 8/2011 đến nay	Trưởng BKS Công ty CP Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
Từ 11/2012 đến 3/2013	Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Hà Nội.
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhựa Bắc Giang
 - o Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Sản xuất Thương mại và Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.
- Số CP nắm giữ: 4.227.533 cổ phiếu, chiếm 21,76 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 4.222.133 cổ phiếu, chiếm 21,73% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 5.400 cổ phiếu, chiếm 0,03 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.4 Bà Nguyễn Thị Thanh Hương

- Chức vụ: Thành viên HĐQT, Phó văn phòng
- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 19-04-1970
- Nơi sinh : Bắc Ninh
- Quê quán : X.Xuân Bình, H.Sông Cầu, T.Phú Yên
- Quốc tịch : Việt Nam, Dân tộc: Kinh
- Số CMND : 025528924 cấp ngày: 02/12/2011 tại CA TP.Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú : 320A Bùi Văn Ba, KP2, P.Tân Thuận Đông, Quận 7, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc : 0909372530
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Luật, Cử nhân Ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

Thời gian	Chức danh, đơn vị công tác
01/1994-12/2001	Nhân viên văn thư, đánh máy, phiên dịch, lao động tiền lương, Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Thuận (sau đổi tên là Công ty Nhựa Tân Thuận)
01/2002-01/2004	Thư ký giám đốc Nhà máy Nhựa Tân Phú
02/2004-7/2004	Nhân viên Văn phòng Công ty Nhựa Việt Nam
8/2004-9/2008	Phó Văn Phòng Công ty Nhựa Việt Nam
10/2008 – 9/2013	Phó Văn phòng Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam
Từ 10/2013 đến nay	Phó Văn phòng Phụ trách Văn phòng Công ty CP Nhựa Việt Nam
Từ 07/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ : 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 21.300 cổ phần, chiếm 0,11 % vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.1.5 Đỗ Văn Hiếu

- Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1976
- Nơi sinh: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định
- CMND: 281110599 cấp ngày 25/06/2011 tại CA. Bình Dương
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Xã Nghĩa Phong, Huyện Nghĩa Hưng, Tỉnh Nam Định

- Địa chỉ thường trú: 105/18/6 (số cũ 26A/3), Đường Dĩ An - Bình Đường, Nhì Đồng 2, Phường Dĩ An, Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương
- Số ĐT liên lạc: 091 8541237
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hoá, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Quá trình công tác:

Từ năm 2000 đến 2001	Nhân viên kỹ thuật xi mạ điện và xử lý bề mặt kim loại - Công ty TNHH Sheang Lih Cycle Vietnam.
Từ năm 2001 đến 2004	Nhân viên Kỹ thuật và Kiểm tra chất lượng sản phẩm Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 2004 đến T11/2011	Trưởng Phòng Quản lý Chất lượng (QA /QC) Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ T11/2011 đến T1/2013	Phó Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn.
Từ 02/01/2013 đến nay	Trưởng Phòng Quản trị Hệ thống Công ty CP Nhựa Vân Đồn..
Từ 28/6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa Việt Nam

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Trưởng phòng Quản trị Hệ thống - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn.
- Số CP nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2 Ban kiểm soát

2.1.2.1 Ông Cao Minh Tâm

- Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát, chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/09/1974
- Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
- CMND: 022703422 cấp ngày 10/01/2003 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 243/103B1 Tôn Đức – Phường 15 – Quận 4 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0913161881
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1996 – 6/2011	Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán VINAPLAST.
Từ 07/2011– 12/2013	Chuyên viên văn phòng VINAPLAST
Từ 12/2013 đến nay	Chuyên viên Trung tâm NCUDCD&ĐT
Từ 3/2008 – nay	Trưởng ban kiểm soát VINAPLAST.
Từ T8/2013 đến nay	Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước, Thành viên BKS Youlchon Vina,
Từ 01/12/2014 đến nay	Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Trưởng ban kiểm soát Công ty CP Nhựa Việt Phước.
 - o Thành viên BKS Youlchon Vina
 - o Thanh tra viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.

- o Cá nhân sở hữu: 31.000 cổ phiếu, chiếm 0,16 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.2 Bà Lê Thị Kim Phụng

- Chức vụ: Thành viên ban kiểm soát, Chuyên viên văn phòng
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 09/06/1965
- Nơi sinh: Hải Phòng
- CMND: 022645259 cấp ngày 22/11/2010 tại CA. TPHCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 72-74 Lý Tự Trọng – Phường Bến Thành – Quận 1 – TP.HCM
- Số ĐT liên lạc: 0919655816
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Mỹ Thuật
- Quá trình công tác:

Từ 06/1995 – 12/1996	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 01/1997 đến 09/2003	Chuyên viên XN TMDV Nhựa số 1
Từ 10/2003 đến nay	Chuyên viên VINAPLAST.
Từ 3/2008 – nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác: Không
- Số CP nắm giữ: 21.200 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 21.200 cổ phiếu, chiếm 0,11 % vốn điều lệ

- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.2.3 Ông Nguyễn Văn Thơm

- Chức vụ: Thành viên kiểm soát
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 21/09/1958
- Nơi sinh: Hà Tây
- CMND: 011057020 cấp ngày 25/2/2005 tại CA. TP.Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: Tổ 10 – X2 – Lĩnh Nam – Hoàng Mai – Hà Nội
- Số ĐT liên lạc: 0912265404
- Trình độ văn hóa: 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính kế toán
- Quá trình công tác:

Từ 10/1979 đến 3/1981	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp -Gia Lâm-Hà Nội.
Từ 4/1981 đến 6/1985	Phụ trách trung đội, D9, E5, T328, Đặc khu Quảng Ninh.
Từ 7/1985 đến 9/1990	Giáo viên Trường Quản lý Xí nghiệp và học chuyên tu tập trung Trường ĐH Tài chính kế toán.
Từ 10/1990 đến 7/2004	Trưởng phòng TCKT Nhà máy Giấy Tiên Sơn, Bắc Ninh
Từ 10/2006 đến 06/2011	Chuyên viên tài chính kế toán VINAPLAST
Từ 07/2011 đến nay	Kế toán trưởng CTCP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc chi nhánh CTCP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.
Từ 3/2008 – nay	Thành viên ban kiểm soát VINAPLAST.

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:

- o Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Phước kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP Nhựa Việt Phước tại Hà Nội.

- Số CP nắm giữ: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 7.700 cổ phiếu, chiếm 0,04% vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

2.1.3 Các chức danh khác:

2.1.3.1 Ông Phan Trung Nam-Kế toán trưởng (như mục 2.1.1.2)

2.1.3.2 Bà Nguyễn Thị Mỹ Thanh

- Chức vụ: Giám đốc tài chính, Người công bố thông tin
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/08/1962
- Nơi sinh: Sài Gòn
- CMND: 021409306 cấp ngày 05/5/2003 tại CA. TP.HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Sài Gòn
- Địa chỉ thường trú: 12/62 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, TP.Hồ Chí Minh
- Số ĐT liên lạc: 0918160532
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Ngành Toán điều khiển kinh tế
- Quá trình công tác:

Từ 09/1995 đến 7/1999	Chuyên viên phòng TCKT – Tổng Công ty Nhựa Việt Nam.
Từ 9/1999 đến 6/2003	Phó phòng TCKT – Tổng Cty Nhựa Việt Nam
Từ 7/2003 đến 9/2006	Phó phòng TCKT – Công ty Nhựa Việt Nam
Từ 10/2006 đến 9/2008	Trưởng phòng TCKT Công ty CP Nhựa Việt Nam

Từ 10/2008 đến 12/2010	Kế toán trưởng Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 01/2011 đến nay	Giám đốc Tài chính Công ty CP Nhựa Việt Nam.
Từ 2008-7/2013	Thành viên BKS Youlchon Vina
Từ 8/2013 đến nay	Thành viên HĐQT YoulChon Vina
Từ 01/3//2014 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem

- Chức vụ nắm giữ tại các tổ chức khác:
 - o Thành viên HĐQT Công ty CP Nhựa YoulChon Vina.
 - o Thành viên HĐQT Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
- Số CP nắm giữ: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,00515 % vốn điều lệ
 - o Đại diện sở hữu: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ.
 - o Cá nhân sở hữu: 1.000 cổ phiếu, chiếm 0,00515 % vốn điều lệ
- Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
- Những khoản nợ đối với Công ty: Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không

3. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3.1. Số lượng người lao động trong Công ty:

- Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2014 là 37 người, cơ cấu lao động như sau:

STT	Chi tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Lao động bình quân	52		64	
a	Chia theo trình độ				
	Trên đại học	3	5,77	3	4,69
	Đại học	29	55,77	29	45,31
	Cao đẳng	2	3,85	3	4,69

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014	
		Số liệu	Tỷ lệ (%)	Số liệu	Tỷ lệ (%)
	Trung cấp nghề	7	13,46	8	12,50
	Lao động phổ thông	11	21,15	21	32,81
b	Chia theo vùng miền				
	Phía Nam	28	53,85	55	85,94
	Phía Bắc	24	46,15	9	14,06

3.2. Chính sách đối với người lao động:

3.2.1 Chế độ làm việc:

3.2.1.1 Thời gian làm việc:

- Công ty tổ chức làm việc tuần 40 giờ từ thứ Hai tới thứ sáu, nghỉ thứ bảy và Chủ nhật đối với khối Văn phòng, riêng khối sản xuất làm việc tuần 48 giờ, chia 3 ca trong ngày.

3.2.1.2 Điều kiện làm việc:

- Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ đồng phục Văn phòng đối với các phòng ban và phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân khối sản xuất theo quy định của nhà nước.

3.2.2 Chính sách tuyển dụng, đào tạo:

3.2.2.1 Tuyển dụng:

- Công ty rất chú trọng phát triển nguồn nhân lực có trình độ và tay nghề cao. Tùy theo yêu cầu công việc, Công ty ban hành quy chế tuyển dụng cụ thể và phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, phòng ban. Tiêu chí tuyển dụng của Công ty là tuyển dụng các nhân viên trẻ có trình độ chuyên môn cao, năng động và tốt nghiệp từ các trường Đại học trong cả nước.

3.2.2.2 Công tác đào tạo và nâng cao tay nghề:

- Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và tự đào tạo cho nhân viên trong bộ phận quản lý, văn phòng. Đối với các cán bộ quản lý, văn phòng, tùy theo yêu cầu công việc Công ty sẽ đài thọ toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo nghiệp vụ cho nhân viên. Riêng đối với khối sản xuất, để duy trì sự phát triển và ổn định sản xuất Công ty vẫn thực hiện các hình thức đào tạo tại chỗ bằng cách cử đội ngũ công nhân lành nghề hướng dẫn, kèm cặp đối với những công nhân mới, tay nghề

chưa thuần thục và tổ chức cử CBCNV đi học tập, nâng cao tay nghề tại các đơn vị trong cùng hệ thống Công ty và các đơn vị bạn.

3.3 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi và bảo hiểm cho người lao động:

3.3.1 Chính sách lương, thưởng, phúc lợi:

- Công ty thực hiện chế độ lương, thưởng, phúc lợi phù hợp đảm bảo mức thu nhập cho người lao động và các chế độ theo quy định của Nhà nước.

3.3.2 Bảo hiểm:

- Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật lao động, đảm bảo đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ theo quy định của Nhà Nước về chế độ bảo hiểm và trợ cấp..

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

4.1. Các khoản đầu tư lớn:

- Công ty không có đầu tư lớn trong năm 2014

4.2. Các công ty con, công ty liên kết:

4.2.1 Công ty con:

4.2.1.1 Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 41,92% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long. Đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Thăng Long:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	61.273.270.042	60.472.568.289	
Tài sản dài hạn	88.823.305.723	85.402.765.816	
Nợ ngắn hạn	123.143.391.048	57.590.333.807	
Nợ dài hạn	431.376.000	61.764.929.374	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	24.000.000.000	24.000.000.000	
Doanh thu thuần	76.787.472.575	125.662.698.702	
Lợi nhuận sau thuế	1.120.895.114	1.193.294.931	

4.2.1.2 Công ty Cổ Phần Nhựa Bắc Giang:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 51% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Bắc Giang được tóm tắt theo biểu tổng hợp dưới đây, trong đó, nợ ngắn hạn và dài hạn của Bắc Giang năm 2012 trên báo cáo tài chính năm 2013 được kiểm toán điều chỉnh hồi tố lại số dư đầu kỳ cho đúng bản chất công nợ:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	16.212.953.522	16.969.249.022	
Tài sản dài hạn	2.387.960.628	2.121.305.536	
Nợ ngắn hạn	14.486.554.666	14.960.826.003	
Nợ dài hạn	437.181.872	422.454.650	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	2.400.000.000	2.400.000.000	
Doanh thu thuần	49.815.819.537	48.141.484.466	
Lợi nhuận sau thuế	310.725.555	254.366.565	

4.2.1.3 Công ty Cổ Phần Nhựa Việt Phước:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 99,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Việt Phước:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	30.644.100.268	32.878.671.775	
Tài sản dài hạn	9.694.249.676	9.604.466.293	
Nợ ngắn hạn	16.328.562.411	18.177.097.279	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	22.407.000.000	22.407.000.000	
Doanh thu thuần	63.598.862.976	70.402.294.545	
Lợi nhuận sau thuế	1.907.064.205	1.913.040.789	

4.2.1.4 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Trường An:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	13.040.799.611	10.339.800.481	
Tài sản dài hạn			
Nợ ngắn hạn	8.669.443.447	7.127.145.472	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	40.031.453.597	24.649.351.787	

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Lợi nhuận sau thuế	(295.979.687)	(1.150.471.119)	

4.2.1.5 Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty TNHH MTV TM và DV Nhựa Số Một:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	17.675.730.203	14.542.777.309	
Tài sản dài hạn	409.440.351	117.876.175	
Nợ ngắn hạn	13.283.067.800	12.738.858.444	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	5.000.000.000	5.000.000.000	
Doanh thu thuần	151.227.141.553	154.463.767.069	
Lợi nhuận sau thuế	(512.256.372)	(2.862.829.155)	

4.2.1.6 Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 100% vốn điều lệ Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty TNHH TM & DV Nhựa Việt Nam như sau:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	13.228.084.758	987.394.909	
Tài sản dài hạn	16.549.951		
Nợ ngắn hạn	3.239.707.126		
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	10.000.000.000	1.119.385.500	
Doanh thu thuần	156.648.585.309	25.924.886.343	
Lợi nhuận sau thuế	(381.349.941)	(115.487.960)	

4.2.2 Công ty liên doanh, liên kết:

4.2.2.1 Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 27,51% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh Việt Thái Plastchem:

Khoản mục	Năm 2013(đồng)	Năm 2014(đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	140.534.913.102	133.975.802.076	
Tài sản dài hạn	10.878.188.854	12.201.940.577	
Nợ ngắn hạn	68.159.655.132	83.252.655.952	
Nợ dài hạn			
Vốn đầu tư chủ sở hữu	44.279.528.312	44.279.528.312	
Doanh thu thuần	336.476.332.633	324.561.712.792	
Lợi nhuận sau thuế	19.572.314.481	13.497.348.674	

4.2.2.2 Công ty Liên Doanh TPC Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 15% vốn điều lệ Công ty Liên Doanh TPC Vina. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty Liên Doanh TPC Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014(đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	614.596.431.868	659.060.897.151	
Tài sản dài hạn	1.043.494.617.963	955.377.337.244	
Nợ ngắn hạn	772.078.584.969	883.065.178.921	
Nợ dài hạn	77.308.530.530	7.667.734.144	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	662.620.000.000	662.620.000.000	
Doanh thu thuần	3.382.505.843.299	3.370.738.588.335	
Lợi nhuận sau thuế	98.397.067.979	(3.858.613.002)	

4.2.2.3 Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 20,69% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty CP Nhựa Vân Đồn như sau:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	254.829.068.889	325.801.213.320	
Tài sản dài hạn	62.011.793.680	87.471.082.850	
Nợ ngắn hạn	263.853.598.403	327.317.456.112	
Nợ dài hạn	1.640.265.011	2.262.786.928	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	48.749.000.000	81.000.000.000	
Doanh thu thuần	959.263.217.845	705.946.448.082	
Lợi nhuận sau thuế	2.563.719.979	1.187.863.736	

4.2.2.4 Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú:

- Công ty cổ phần Nhựa VN góp 19,52% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú. Khoản đầu tư này được công ty CP Nhựa Việt Nam chuyển từ góp vốn vào công ty liên kết sang đầu tư dài hạn.

4.2.2.5 Công ty Cổ phần Youl Chon Vina:

- Công ty cổ phần Nhựa VN đã góp 30% vốn điều lệ Công ty Cổ phần Youl Chon Vina. Tính đến ngày 31/12/2014 tình hình tài chính Công ty Cổ phần Youl Chon Vina như sau:

Khoản mục	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	Ghi chú
Tài sản ngắn hạn	150.399.485.362	172.395.008.288	
Tài sản dài hạn	135.600.445.841	121.348.364.854	
Nợ ngắn hạn	174.810.730.543	200.550.446.160	
Nợ dài hạn	77.880.627.584	66.968.061.809	
Vốn đầu tư chủ sở hữu	143.670.158.063	143.670.158.063	
Doanh thu thuần	432.800.694.855	495.270.409.445	
Lợi nhuận sau thuế	(15.433.289.867)	(7.083.707.692)	

4.2.2.6 Công ty Cổ phần SX TMDV Nhựa Mộc Nghệ An:

- Công ty thực hiện theo Quyết định số 43/QĐ-NVN-HĐQT của Hội Đồng Quản Trị ngày 06/09/2014 về việc chuyển nhượng toàn bộ số cổ phiếu của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP SX TM và DV Nhựa Mộc Nghệ An.

5. Tình hình tài chính của Công ty CP Nhựa Việt Nam

5.1 Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	435.217.648.471	427.229.714.066	-1.84%
Doanh thu thuần	492.693.186.858	371.119.150.103	-24.68%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	(141.408.400.783)	(10.356.966.129)	-92.68%
Lợi nhuận khác	(16.784.717.349)	140.371.611	-100.84%
Lợi nhuận trước thuế	(158.193.118.132)	(10.216.594.518)	-93.54%
Lợi nhuận sau thuế	(158.193.118.132)	(10.216.594.518)	-93.54%

Chỉ tiêu	Năm 2013 (đồng)	Năm 2014 (đồng)	% tăng giảm
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

5.1.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	0.4	0.5	
+ Hệ số thanh toán nhanh	0.4	0.4	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0.9	0.9	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	12.7	19.3	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động:			
+ Vòng quay hàng tồn kho	53.8	28.2	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-0.32	-0.03	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-4.99	-0.49	
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-0.36	-0.02	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	-0.29	-0.03	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

6.1 Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành là 19.428.913 cổ phiếu. Tất cả cổ phần đang lưu hành được chuyển nhượng tự do.

6.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2014:

STT	Họ và tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)	Ghi chú
1	Cổ đông Nhà nước	12.794.342	65,85	
2	Cổ đông là tổ chức	2.326.000	11,97	
3	Cổ đông cá nhân	4.308.571	22,18	
Tổng cộng		19.428.913	100,00	

7. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

8. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Công ty không có cổ phiếu quỹ.

9. Các chứng khoán khác:

- Hiện tại. Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông, không có cổ phiếu quỹ, cổ phiếu thưởng, trái phiếu...

10. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

10.1 Tình hình sản xuất kinh doanh

10.1.1 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2013

- Ngành nhựa nước ta vẫn đang phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài. Trong khi đó, những chi phí đầu vào liên tục tăng, sản phẩm sản xuất ra không thể tăng cao do yếu tố cạnh tranh, khiến nhiều doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn về vốn mà đặc biệt là những doanh nghiệp vừa và nhỏ. Kim ngạch thu về từ hoạt động xuất khẩu các sản phẩm này tuy có tốc độ tăng trưởng tốt nhưng trên thực tế lợi nhuận thu về lại không tương xứng. Thời gian qua có khoảng trên 20% trong tổng số các doanh nghiệp của ngành đã phải đóng cửa do không đủ vốn để duy trì hoạt động sản xuất. Từ những khó khăn trên, cộng với tình hình kinh tế thế giới còn gặp nhiều khó khăn, trong năm 2013, kim ngạch xuất khẩu của ngành tăng trưởng chậm lại.
- Đối với Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, tuy chỉ tiêu doanh thu đã vượt kế hoạch đề ra nhưng đã thực hiện không đạt hầu hết các chỉ tiêu còn lại và đạt thấp hơn nhiều so với cùng kỳ năm 2012. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế lỗ 158,19 tỷ do một số nguyên nhân chủ yếu sau:
 - Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp. Việc kinh doanh mảng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu bằng vốn vay. Nguồn vốn huy động này vừa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, vừa phải trả một phần các khoản nợ đến hạn trong khi thu hồi công nợ cũ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính.
 - Công ty mất cân đối về tài chính do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm và

hiệu quả thấp dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không hiệu quả và công ty thiếu vốn để hoạt động.

- Công tác đầu tư tài chính dài hạn không hiệu quả do vay ngân hàng với lãi suất cao, thu cổ tức bình quân thấp, có đơn vị không chi trả cổ tức.
- Kế hoạch thoái vốn tại một số đơn vị rất khó thực hiện, nhất là công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina.
- Chênh lệch tỷ giá ODA phát sinh hàng năm, khấu hao thiết bị ODA không đủ nguồn bù đắp cho hoạt động cho thuê máy móc thiết bị.
- Phải hạch toán bổ sung một số chi phí:
 - o Điều chỉnh giảm cổ tức hạch toán cho đúng kỳ : 21,7 tỷ
 - o Trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn: 33,3 tỷ
 - o Trích lập dự phòng phải thu khó đòi: 25,6 tỷ
 - o Chênh lệch tỷ giá (vay vốn ODA): 44,8 tỷ
 - o Giảm lãi do không thực hiện được góp vốn: 14,3 tỷ
 - o Trích trước lãi vay ODA (đến hạn chưa thanh toán): 5,8 tỷ
 - o Hạch toán chi phí đúng kỳ: 1,4 tỷ

10.1.2 Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2014

10.1.2.1 Tình hình kinh doanh riêng của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

- Kinh tế - xã hội nước ta năm 2014 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm sau suy thoái toàn cầu. Các nền kinh tế lớn phát triển theo hướng đầy nhanh tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố rủi ro trong việc điều chỉnh chính sách tiền tệ. Trong khi đó, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt để giảm áp lực tiền tệ. Bên cạnh đó, khu vực đồng EURO bị ảnh hưởng mạnh bởi các biện pháp trừng phạt kinh tế giữa các nước trong khu vực do tình hình chính trị bất ổn tại một số quốc gia, nhất là khu vực châu Âu. Dự báo tăng trưởng năm 2014 và 2015 của hầu hết các nền kinh tế Đông Nam Á cũng được điều chỉnh giảm. Điểm nổi bật trong những tháng cuối năm là giá dầu mỏ trên thị

trường thế giới giảm sâu tác động mạnh đến kinh tế theo chiều hướng thuận lợi và khó khăn đan xen.

- Trong năm 2014, ngành nhựa nước ta vẫn đang gặp nhiều khó khăn như phải phụ thuộc nhiều vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu từ bên ngoài, chi phí đầu vào liên tục gia tăng, sự cạnh tranh của các sản phẩm ngoại nhập về mẫu mã, chất lượng dẫn đến nhu cầu về đầu tư, cải tiến công nghệ, dây chuyền sản xuất làm cho nhu cầu vốn lại cao trong khi đó nguồn vốn của công ty lại đang thiếu hụt nghiêm trọng, ngân hàng thì siết chặt tín dụng.
- Năm 2014, Công ty CP Nhựa Việt Nam vẫn chưa giải quyết được những khó khăn và vướng mắc còn tồn đọng trong hoạt động của công ty trong giai đoạn kinh tế suy thoái. Những hoạt động, cũng như hạng mục đầu tư từ những năm trước vẫn không mang lại hiệu quả cao, trong khi đó công ty lại gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn kinh doanh. Ngành nhựa 2014 đang có xu hướng xuất khẩu thành phẩm vì tỷ giá hối đoái trong năm liên tục tăng. Tuy nhiên, các mặt hàng nhựa của công ty gần đây do thiếu sự đổi mới trong mẫu mã, tính năng nên không mang lại kim ngạch xuất khẩu cao, mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của công ty trong năm 2014 chủ yếu vẫn là nguyên liệu nhựa.
- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam cũng gặp phải khó khăn trong việc thu hồi công nợ để xoay vòng vốn. Giá cả nguyên liệu nhập khẩu không ổn định, giảm sâu do sự bất ổn của nền kinh tế thế giới kéo dài ảnh hưởng lớn đến công tác nhập nguyên liệu phục vụ công tác kinh doanh. Với lượng hàng hóa tồn kho, để cạnh tranh, giữ vững thị phần công ty đã phải thực hiện chính sách giảm giá hàng bán.
- Đồng thời, Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn triển khai không đạt tiến độ dự kiến.
- Năm 2014, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.

*** Kết quả kinh doanh năm 2014 của Công ty mẹ**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	81,6	85,3
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	7,9		30,8	389,9	
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	118,9		31,2	26,2	
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	30,7		22,3	72,6	
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7		3,5	61,4	
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	42,1		14,0	33,3	
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-
Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0	0	0

*** Kết quả kinh doanh năm 2014 (hợp nhất)**

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	KH 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /KH2014 (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng					
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng					
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng					
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng					
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng					
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng					
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng					
Cổ tức	Đồng/CP					

- Trước bối cảnh khó khăn nêu trên, Công ty đã thực hiện tiết giảm tối đa chi phí nhất là chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, hoàn nhập một phần nợ khó đòi đã trích lập năm 2013 nên kế hoạch lỗ của Công ty thực hiện theo đúng tình hình thực tế đã đề ra.

10.1.2.2 Kết quả hoạt động của các Công ty con:

- Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long:
 - Doanh thu thực hiện 125,66 tỷ đồng, tăng 63,6% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 1,6 tỷ đồng, tăng 7,1% so với năm trước
 - Sản phẩm kết nhựa các loại thực hiện 850.000 cái tăng 18,1% so với năm trước, thùng can nhựa các loại thực hiện 125.000 cái tăng 31,6% so với năm trước, mắ áo thực hiện 36.000.000 cái tăng 36,9% so với năm trước.
- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Phước:
 - Doanh thu thực hiện 70,40 tỷ đồng, tăng 10,7% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 2,13 tỷ đồng, tăng 0,3% so với năm trước
 - Sản phẩm tấm nhựa các loại thực hiện 603,7 tấn, tăng 1,7% so với năm trước.
- Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang:
 - Doanh thu thực hiện 48,14 tỷ đồng, bằng 96,6% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 326,11 triệu đồng, giảm 21,3% so với năm trước.
 - Sản phẩm dệt bao PP các loại thực hiện 651 tấn, bằng 97,2% so với năm trước.
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số Một:
 - Doanh thu thực hiện 154,46 tỷ đồng, tăng 2,1% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt - 2,86 tỷ đồng
- Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa Trường An:
 - Doanh thu thực hiện 24,65 tỷ đồng, bằng 61,6% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt - 1,15 tỷ đồng

10.1.2.3. Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh - Liên kết:

- Hiện nay, số tiền Công ty góp vốn vào các công ty Liên doanh - Liên kết chiếm trên 80% vốn điều lệ của Công ty, tuy 3/4 đơn vị hoạt động có lợi nhuận nhưng số tiền cổ tức, lợi nhuận được chia cho Công ty không đủ bù đắp lãi vay đầu tư tài chính của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam. Kết quả hoạt động của các Công ty liên doanh - Liên kết trong năm 2014 như sau:

- Công ty Cổ phần TNHH Liên doanh Việt Thái Plaschem:
 - Doanh thu thực hiện 324,56 tỷ đồng, giảm 3,5% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 17,46 tỷ đồng, giảm 34,29% so với năm trước
- Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina:
 - Doanh thu thực hiện 3.370,74 tỷ đồng, bằng 99,65% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế lỗ 3,7 tỷ đồng (Năm 2013 lãi 114,11 tỷ đồng)
- Công ty Cổ phần Nhựa Youl Chon Vina:
 - Doanh thu thực hiện 495,27 tỷ đồng, tăng 14,43% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế lỗ 7,08 tỷ đồng (Tỷ lệ lỗ bằng 45,88% số lỗ năm trước)
- Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn:
 - Doanh thu thực hiện 705,94 tỷ đồng, giảm 26,4% so với năm trước.
 - Lợi nhuận trước thuế đạt 1,18 tỷ đồng, giảm 53,66% so với năm trước

10.1.3 Hoạt động đầu tư

- Năm 2014, Dự án sản xuất kết nhựa cung cấp kết cho Công ty Bia Sài Gòn, được đặt tại huyện Củ Chi - TP.Hồ Chí Minh đã đi vào sản xuất ổn định, đóng góp một phần trong doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Trong năm, với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn còn gặp nhiều khó khăn, nguồn vốn đầu tư hạn chế, áp lực lãi vay ngân hàng nên Công ty đã không triển khai thêm dự án, để tập trung nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh chính.

10.1.4 Hoạt động tài chính:

- Thực hiện chủ trương thoái vốn, Công ty đã tiến hành đàm phán với TPC Vina nhưng chưa thực hiện được. Việc thoái vốn này ở phía Việt Nam chiếm 30%

(cùng với Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam), chưa đủ tỷ lệ để chi phối nên việc thoái vốn không đạt được tiến độ dự kiến.

- Việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Nhựa YoulChon vina chưa thực hiện được do sự trì hoãn từ phía đối tác. Tuy nhiên, số vốn thoái này cũng tương đương đương với số nợ tiền hàng Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đang chiếm dụng của đối tác.
- Hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần sản xuất thương mại dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An.

10.1.5 Công tác nghiên cứu - đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện các đề tài đã được duyệt với mục tiêu đảm bảo chi lương một phần cho lao động của Trung tâm và làm tiền đề cho việc triển khai phát triển ngành nhựa:
 - Đề tài: “Nghiên cứu công nghệ sản xuất nhựa phục vụ ngành thực phẩm, đồ uống giải khát và đóng gói”.
 - Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm bao bì nhựa nhằm giúp nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp”
 - Đề tài: “Nghiên cứu ứng dụng chế tạo vật liệu composit trên cơ sở nhựa và bột gỗ biến tính ứng dụng làm vật liệu xây dựng”
 - Đề tài: “Hoàn thiện dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa để phân hủy sinh học để thay thế nhựa truyền thống nhằm giảm ô nhiễm môi trường”

10.2 Phương hướng thực hiện kế hoạch 2015

- Năm 2015, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam sẽ tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn như tốc độ tăng trưởng có nguy cơ giảm sút, khó khăn trong việc thu hồi công nợ để xoay vòng vốn. Tỷ giá ngoại tệ và giá cả nguyên liệu nhập khẩu không ổn định do sự bất ổn của nền kinh tế thế giới vẫn đang tiếp tục kéo dài. Đồng thời, công ty cũng sẽ khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng do bị ảnh hưởng bởi sự thay đổi chính sách của các tổ chức tín dụng. Bên cạnh đó, nguy cơ tăng các chi phí đầu vào như giá xăng dầu, giá điện.... và tình hình cạnh tranh trong năm 2015 dự báo cũng sẽ rất khắc nghiệt.

10.2.1 Mục tiêu và nhiệm vụ đối với sản xuất, kinh doanh:

- Tập trung quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý định mức kinh tế - kỹ thuật, quản lý chất lượng, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất. Trong đó công tác quản lý kỹ thuật, quản lý sản xuất đảm bảo tuân thủ kỷ cương công nghệ nhằm ổn định chất lượng là nhiệm vụ trọng tâm đồng thời tổ chức khai thác hiệu quả máy móc thiết bị đã đầu tư.
- Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư nâng cao năng lực công tác của cán bộ, tay nghề công nhân.
- Tổ chức triển khai thực hiện chương trình: “Sản xuất thử nghiệm Nhựa sinh học nguyên liệu và sản phẩm” và “Hoàn thiện dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa để phân hủy sinh học để thay thế nhựa truyền thống nhằm giảm ô nhiễm môi trường”
- Tìm kiếm các dự án đầu tư bổ sung thiết bị với chi phí đầu tư nhỏ, giúp đơn vị chủ động hơn nguồn nguyên liệu đầu vào, cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu với giá cạnh tranh và tận dụng được đất đai, nhà xưởng sẵn có. Xem xét tình hình cụ thể đề trình HĐQT cho phép đầu tư đối với dự án có hiệu quả cao, thu hồi vốn nhanh.
- Minh bạch rõ ràng đúng quy định của pháp luật; chủ động linh hoạt trong việc giải quyết vấn đề vốn cho sản xuất kinh doanh và đầu tư.
 - Tiếp tục tiến hành đàm phán với các đối tác là TPC và Youl Chon Vina để thực hiện chủ trương thoái vốn ở các Công ty Liên doanh - Liên kết này.
 - Thoái vốn ở những đơn vị không cần nắm giữ vốn, tạo nguồn vốn hoạt động cho Công ty, giảm áp lực về lãi vay ngân hàng.
 - Cho thuê thiết bị ODA bù lại một phần chi phí khấu hao, lãi vay và làm việc với Ngân hàng Phát triển về việc khoan nợ khoản vay ODA nhằm giải quyết khó khăn tạm thời về tài chính của công ty.
- Cân đối nguồn tài chính, điều hành hoạt động một cách linh hoạt để có nguồn tài chính trả nợ, hoạt động của doanh nghiệp được thông suốt. Làm việc với Ngân hàng và các tổ chức tín dụng để các khoản vay có mức lãi suất hợp lý nhất nhằm tiết kiệm chi phí tài chính tối đa cho doanh nghiệp.
- Quản lý chặt chẽ công tác bán hàng - thu hồi nợ. Tính toán hợp lý để quay nhanh dòng vốn bỏ ra.

- Lựa chọn phát triển dòng sản phẩm mũi nhọn của Công ty, thường xuyên hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý. Đẩy mạnh công tác nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả
- Khai thác có hiệu quả bất động sản hiện có.
- Tiếp tục rà soát sắp xếp, tổ chức lại, đào tạo cũng như tuyển dụng, bổ sung thay thế lao động cho các phòng, ban, phân xưởng nhằm đáp ứng yêu cầu công việc. Thường xuyên chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ được người có trình độ cao ở lại Công ty. Tăng cường công tác tuyên truyền để người lao động ổn định tư tưởng, thấy rõ trách nhiệm của mỗi người trong việc góp phần ổn định, đưa Công ty từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn làm cơ sở cho việc giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động.
- Thực hiện tốt, đầy đủ chức năng công bố thông tin để thông tin của doanh nghiệp kịp thời đến cổ đông và các nhà đầu tư.
- Tiếp tục thu hồi công nợ khó đòi.
- Thực hiện chính sách tiết kiệm chi phí quản lý, bán hàng, thanh lý tài sản không cần dùng.

10.2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015

- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đặt ra kế hoạch kinh doanh cho năm 2015 như sau:
 - Doanh thu công ty mẹ : 450,0 tỷ đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế của công ty mẹ : - 8,5 tỷ đồng.
- *Giải trình cơ sở xây dựng kế hoạch năm 2015:*
 - Công ty vẫn chịu ảnh hưởng của việc mất cân đối tài chính chưa giải quyết xong nên áp lực lãi vay ngân hàng lớn. Việc thoái vốn tại một số đơn vị đã có chủ trương sẽ chỉ giải quyết được một phần nhỏ việc mất cân đối tài chính và chi phí lãi vay ngân hàng.
 - Do việc cho thuê tài chính không có hiệu quả (thiết bị từ nguồn vốn ODA khai thác với công suất thấp, có thiết bị không khai thác được) trong khi phải thanh toán lãi vay dài hạn đến hạn theo Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Phát triển. Ngoài ra, Công ty phải chịu ảnh hưởng của việc chênh lệch

tỷ giá đồng nhân dân tệ (dự kiến tăng 10%). Công ty đã nộp Hồ sơ đề nghị tới Ngân hàng Phát triển xin khoan hồng, giãn nợ nhưng vẫn chưa được giải quyết. Tuy nhiên, thực hiện Hợp đồng đã ký kết, Công ty sẽ phải dồn trả nợ trong những năm tiếp theo theo giới hạn Hiệp định khung. Vì vậy, khoản vay này thừa sự là một gánh nặng vô cùng lớn của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam.

- Đầu tư tài chính tại một số công ty con, công ty liên kết bằng nguồn vốn vay với lãi suất cao trong khi thu về cổ tức từ các đơn vị này chỉ bằng lãi suất tiết kiệm ngắn hạn. Tuy nhiên, việc thoái vốn tại một số đơn vị này rất khó thực hiện do việc góp vốn một phần thực hiện qua việc đầu tư thiết bị ODA kém hiệu quả.
- Việc kết thúc hợp đồng đại lý với YCC Vina làm cho lãi gộp giảm xuống nhiều, Công ty đã tìm được nguồn hàng thay thế nhưng mức lợi nhuận biên thấp hơn và sản lượng chưa nhiều.
- Tiếp tục giải quyết tồn đọng từ những năm trước.

10.3 Dự án đầu tư dự kiến

- Đầu tư xây dựng Nhà máy tái chế phế liệu: Qua tìm hiểu thị trường sản phẩm này, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam nhận thấy việc đầu tư dự án là cần thiết với các lý do:
 - Xuất phát từ nhu cầu xử lý phế liệu nhựa thu hồi từ công nghiệp và tiêu dùng của dân cư, đồng thời tận dụng được nguồn phế liệu để sử dụng lại như một nguồn nguyên liệu nhựa trong sản xuất sản phẩm nhựa.
 - Đây là dự án kỹ thuật cao, liên quan đến tái chế phế liệu
 - Thiết bị sử dụng hoàn toàn mới theo công nghệ của Mỹ
 - Được Ngân hàng thu xếp về vốn để thực hiện Dự án
 - Tận dụng Nhà xưởng và cơ sở hạ tầng đã có sẵn ở phía Nam
 - Giải quyết công ăn việc làm cho người lao động
- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất chuỗi cách điện: Đây là một trong hai chương trình công nghệ cao của Chính phủ, sản xuất ra sản phẩm chuỗi cách

diện polymer với lớp phủ caosu silicol, thay thế nhu cầu trong nước hiện nay vẫn phải nhập khẩu, tạo thế chủ động trong sản xuất sản phẩm mới của ngành. Dự án với số vốn đầu tư khoảng 70 tỷ, được Ngân sách tài trợ khoảng 30%.

- Đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất túi sinh học: Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ sản xuất nhựa sinh học là không dẫn xuất từ dầu mỏ mà từ các nguyên liệu sinh học nên kết hợp với các nguyên liệu như tinh bột, giấy, đường... tạo ra nguyên liệu và sản phẩm nhựa phân hủy 100%. Dây chuyền công nghệ sản xuất nhựa dễ phân hủy sinh học để thay thế]ạ truyền thống giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Vinaplast đã hoàn thành công tác nghiên cứu về nhựa sinh học trong hai năm 2011, 2012 và đang tiến hành nghiên cứu ứng dụng thử nghiệm.

11. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

11.1 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2013

- Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-NVN-ĐHĐCĐTN ngày 30/6/2014 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014, Quyết định số 34/QĐ-NVN-HĐQT ngày 29/7/2014 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam đã thực hiện kiểm toán lại Báo cáo tài chính năm 2013.
- Theo đó, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 sau khi kiểm toán lại như sau:

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013 (không thông qua)	TH năm 2013 (kiểm toán lại)	Chênh lệch
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	495,6	492,7	- 2,9
Doanh thu tài chính	Tỷ.đồng	16,4	7,9	- 8,5
Chi phí tài chính	Tỷ.đồng	32,3	118,9	86,6
<i>Trong đó CP lãi vay</i>	Tỷ.đồng	24,8	30,7	5,9
Chi phí bán hàng	Tỷ.đồng	5,7	5,7	0
Chi phí quản lý DN	Tỷ.đồng	19,8	42,1	22,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 22,4	- 158,2	-135,8

Cổ tức	Đồng/CP	0	0	0
--------	---------	---	---	---

Theo báo cáo tài chính đã kiểm toán lại so với báo cáo tài chính đã kiểm toán lần đầu thì các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận giảm trong khi tất cả các chi phí đều tăng hơn, cụ thể:

- Tổng tài sản giảm 115,57 tỷ đồng
- Tài sản ngắn hạn giảm 44,73 tỷ đồng
- Tài sản dài hạn giảm 70,83 tỷ đồng
- Nợ phải trả tăng 22,7 tỷ đồng
- Nguồn vốn chủ sở hữu giảm 138,27 tỷ đồng
- Lỗ kế toán trước thuế tăng 135,81 tỷ đồng.

▪ **Nguyên nhân khách quan:**

- o Do chịu ảnh hưởng khó khăn chung của nền kinh tế, sức mua thị trường ở mức thấp, việc tiêu thụ hàng hóa gặp nhiều khó khăn, dẫn đến doanh thu bán hàng giảm, hàng tồn kho cao và phải giảm giá hàng bán. Doanh thu giảm trong khi các chi phí cố định cho hoạt động kinh doanh không giảm tương ứng dẫn đến hiệu quả hoạt động thấp.
- o Do giá cả nguyên liệu lên xuống thất thường (giá hạt nhựa PVC và HDPE bình quân trong quý 3 đều đã tăng 5-10% so với giai đoạn đầu năm 2013) và mức lãi biên của mặt hàng kinh doanh này thấp trong khi kinh doanh màng BOPP có tỷ suất lợi nhuận cao hơn lại sụt giảm sản lượng đáng kể.

▪ **Nguyên nhân chủ quan:**

- o Tình hình tài chính của Công ty rất khó khăn và mất cân đối về tài chính nghiêm trọng do sử dụng vốn ngắn hạn để đầu tư dài hạn là 166 tỷ, tương đương 85,4% vốn điều lệ. Việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư dài hạn thu hồi vốn chậm, hiệu quả thấp, chi phí khấu hao máy móc hàng năm và chênh lệch tỷ giá đồng nhân dân tệ dẫn đến hiệu quả từ hoạt động cho thuê tài chính không đạt và công ty thiếu vốn để hoạt động.
- o Sản xuất kinh doanh không hiệu quả do hoạt động chủ yếu bằng vốn vay, thu hồi công nợ chậm nên chi phí lãi vay chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí tài chính. Trong năm.

- o Công ty thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi do khách hàng mất khả năng thanh toán, làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trong kỳ của công ty.
- o Lãi suất vay ngắn hạn bình quân Công ty phải trả là 13,5%/năm trong khi cổ tức bình quân thu được từ các đơn vị tính trên vốn đầu tư khoảng 6,2%. Trong đó có những đơn vị đầu tư từ năm 2011 đến nay không chia cổ tức như: Nhựa Vân Đồn hoặc lỗ như Công ty CP Nhựa Youlchon Vina, điều đó cho thấy việc vay vốn ngắn hạn với lãi suất cao để đầu tư tài chính dài hạn nhìn chung là không hiệu quả.
- o Kế hoạch thoái vốn tại công ty liên doanh TNHH Nhựa và hóa chất TPC - VINA và công ty cổ phần Nhựa Youl Chon Vina chưa thực hiện được do kế hoạch trì hoãn của phía đối tác và chưa thỏa thuận được giá chuyển nhượng.
- o Chưa hoạch định được một chiến lược kinh doanh hiệu quả (đầu tư dàn trải, không được kiểm soát, công tác nghiên cứu thị trường để xây dựng chiến lược kinh doanh không thường xuyên, định kỳ, không làm kỹ lưỡng, chuyên sâu. Xây dựng chiến lược kinh doanh vội vàng, đơn giản không dựa trên những căn cứ xác đáng; Quy mô kinh doanh dàn trải: Bắc, Trung, Nam: chia cắt sức lực, tăng chi phí dẫn đến giảm lợi nhuận).
- o Nguồn nhân lực vừa thừa vừa thiếu - tổ chức bộ máy công kênh chưa hợp lý.
- o Kiểm toán lại báo cáo tài chính 2013

11.2 Tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2014

Nội dung	ĐVT	TH năm 2013	NQ ĐHCĐ năm 2014	TH 2014	Tỷ lệ TH2014 /TH2013 (%)	Tỷ lệ TH2014 /NQ (%)
Doanh thu thuần	Tỷ.đồng	492,7	441,0	376,1	81,6	85,3
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ.đồng	- 158,2	- 10,5	- 10,2	-	-

*** Nguyên nhân chính làm cho doanh thu không đạt kế hoạch và lợi nhuận của Công ty lỗ:**

- Doanh thu thực hiện giảm 18,4% so với thực hiện năm trước và chỉ đạt 85,3% so với nghị quyết đề ra do Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam không còn là đại lý độc

quyền cung cấp màng BOPP của YCC đến hết tháng 4/2014 nên sản lượng và lợi nhuận kinh doanh màng BOPP sụt giảm.

- Giá nguyên liệu nhựa diễn biến phức tạp khó dự đoán để có kế hoạch nhập bán phù hợp, nhất là thời điểm giảm sâu vào những tháng cuối năm. Hơn nữa, cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành hết sức gay gắt, có lúc phải thực hiện giảm giá hàng bán để giải quyết hàng tồn kho giá cao.
- Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng nặng nề của việc mất cân đối tài chính, vẫn phải lấy nguồn vốn vay ngắn hạn bù đắp cho các khoản vay dài hạn nên mặc dù tiếp cận được với nguồn vốn có lãi suất giảm hơn so với năm trước như chi phí tài chính vẫn ở mức cao.
- Công ty đang phải đối mặt với kết quả sản xuất kinh doanh giảm sút nghiêm trọng của năm 2013 chuyển sang làm cho Công ty càng khó khăn hơn trong việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng, ảnh hưởng đến nguồn vốn kinh doanh trong khi công tác thoái vốn, thu hồi công nợ triển khai không đạt tiến độ dự kiến.
- Việc khai thác bất động sản chưa đạt hiệu quả cao nhất do ảnh hưởng của tình hình thị trường, công ty phải thực hiện giảm giá để thu hút khách thuê.

11.3 Đánh giá hoạt động của Ban điều hành

* Đánh giá chung về hoạt động của Ban điều hành trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, được đào tạo bài bản về chuyên môn, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và có nhiều năm kinh nghiệm trong quản lý điều hành.
- Ban Tổng Giám đốc đã triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị phù hợp với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ đúng Điều lệ doanh nghiệp, quy định của pháp luật.
- Ban Tổng Giám đốc nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty nên đã linh hoạt trong việc điều hành sản xuất kinh doanh, đồng thời ban hành các văn bản nội bộ theo thẩm quyền nhằm kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty: củng cố tổ chức bộ máy, thực hiện đồng bộ các giải pháp về tiết kiệm, tập trung chỉ đạo và từng bước tháo gỡ khó khăn cho công ty.

* Tuy nhiên, HĐQT đánh giá vẫn còn một số tồn tại, hạn chế cần khắc phục như sau:

- Công tác nghiên cứu phát triển nhằm đa dạng hóa sản phẩm chưa tạo ra được sản phẩm mới trong năm 2014. Trước yêu cầu phát triển thì mảng này cần được triển khai quyết liệt hơn nữa.
- Đứng trước áp lực và hiệu quả trong mảng kinh doanh, đòi hỏi Ban điều hành chỉ đạo quyết liệt bộ phận kinh doanh, rà soát, đánh giá lại hệ thống phân phối để có những điều chỉnh phù hợp.
- Đẩy mạnh công tác thoái vốn, thu hồi công nợ và tìm kiếm nhiều giải pháp tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

12. Quản trị công ty.

12.1 Hội đồng quản trị

12.1.1 Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị (Đến ngày 31/12/2013)

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Lê Hoàng	Chủ tịch	4.350.076	23,39%
2	Phan Trung Nam	Thành viên	4.222.133	21,73%
3	Vũ Thị Minh Thục	Thành viên	4.227.533	21,76%
4	Đỗ Văn Hiếu	Thành viên	0	0,00%
5	Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên	21.300	0,11%

12.1.2 Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty chưa thành lập các tiểu ban

12.1.3 Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Trong năm 2014, HĐQT đã tổ chức họp và lấy ý kiến bằng văn bản 09 phiên . Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, đảm bảo số các thành viên HĐQT tham gia theo quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.
- Các phiên họp HĐQT đều mời Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời Ban Lãnh đạo Công ty, trưởng các đơn vị, phòng ban trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.
- Căn cứ và kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các nghị quyết và quyết định quyết định các vấn đề

thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ Công ty, cụ thể:

Số CV	Ngày	Ký hiệu	Nội dung
05	20/3/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc sử dụng hạn mức tín dụng tại ngân hàng TMCP Tiên Phong và việc ủy quyền giao dịch
05.2	20/3/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chợ Lớn gia hạn hạn mức tín dụng và việc ủy quyền giao dịch
08	21/3/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Á Châu (ACB) cấp tín dụng đối với công ty và việc ủy quyền giao dịch
11	11/4/2014	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết hợp phiên 13 HĐQT: +Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014. +Kiểm điểm việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT +Giải thể Công ty TNHH TM và DV Nhựa Việt Nam +Cử nhân sự đại diện quản lý phần vốn Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Bắc Giang nhiệm kỳ 2014-2019, thay đổi nhân sự đại diện quản lý phần vốn của Công ty CP Nhựa VN tại Công ty liên doanh Việt Thái Plastchem, thay đổi nhân sự đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty CP NVN tại Công ty TNHH MTV TMDV Nhựa số một. +Công tác chuẩn bị tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
12	11/4/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định giải thể Cty TNHH TMDV Nhựa Việt Nam
13	11/4/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Cty CP NVN tại Cty TNHH liên Doanh Việt Thái Plastchem và tham

			gia vào hội đồng thành viên Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái Plastchem
14	11/4/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Cty CP NVN tại Cty TNHH MTV TMDV Nhựa Số Một
15	11/4/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định thay đổi người đại diện theo ủy quyền để quản lý phần vốn góp của Cty CP NVN tại Cty CP Nhựa Bắc Giang
18	20/5/2014	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết họp phiên 14 HĐQT về việc phê duyệt kế hoạch tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2014
25	29/5/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định về việc đề nghị Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Chợ Lớn- Phòng giao dịch Trần Hưng Đạo- gia hạn hạn mức tín dụng và việc ủy quyền giao dịch.
34	29/7/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định chọn công ty kiểm toán VACO kiểm toán lại báo cáo tài chính năm 2013
35	29/7/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định chọn công ty kiểm toán VACO kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014
36	15/8/2014	BB-NVN-HĐQT	Đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ thương Việt Nam cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số một
37	15/8/2014	BB-NVN-HĐQT	Đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín- Chi nhánh Trần Hưng Đạo cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn cho Công ty TNHH MTV Thương mại và Dịch vụ Nhựa số một
38	15/8/2014	BB-NVN-HĐQT	Đề nghị Ngân hàng nông nghiệp và PTNT Chợ Lớn- PGD Trần Hưng Đạo gia hạn hạn mức vốn lưu động cho Công ty CP Nhựa Việt Nam
42	06/9/2014	NQ-NVN-HĐQT	Nghị quyết họp HĐQT phiên 18- ngày 06/9/2014 +Kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2013, giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014 trong những tháng

			<i>còn lại của năm 2014.</i> <i>+Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014</i> <i>+đề án tái cơ cấu Công ty CP Nhựa Việt Nam</i> <i>+Thông qua phương án thoái vốn của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại các công ty con, công ty liên kết</i> <i>+Phê duyệt tiền lương của TGD Công ty CP Nhựa Việt Nam</i> <i>+Cử người đại diện quản lý phần vốn của Công ty cổ phần Nhựa Việt Nam tại Công ty cổ phần Nhựa Thăng Long.</i>
43	06/9/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT v/v chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP SX TM và DV Nhựa Mộc Nghệ An
44	06/9/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT v/v chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Vân Đồn
45	06/9/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT v/v chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina
46	06/9/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT về việc xếp lương cho TGD CTy CP NVN
47	06/9/2014	QĐ-NVN-HĐQT	QĐ của HĐQT về việc thay người đại diện theo ủy quyền để quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP Nhựa Thăng Long
51	30/12/2014	QĐ-NVN-HĐQT	QĐ của HĐQT về việc thôi cử làm người đại diện theo ủy quyền quản lý cổ phần của Công ty CP Nhựa Việt Nam tại Công ty CP SX TM và DV Nhựa Mộc Nghệ An đối với ông Phạm Văn Tác và ông Phạm Trọng Hiếu
52	30/12/2014	QĐ-NVN-HĐQT	Quyết định của HĐQT phê duyệt quỹ lương năm 2014.

12.1.4 Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

- Tham gia Đại hội cổ đông và các cuộc họp HĐQT trong năm.

12.2 Ban Kiểm soát

12.2.1 Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và Tên	Chức danh	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ
1	Cao Minh Tâm	Trưởng Ban	31.000	0,16%
2	Nguyễn Văn Thơm	Thành viên	7.700	0,04%
3	Lê Thị Kim Phượng	Thành viên	21.200	0,11%

12.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát:

- Căn cứ vào Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông thường niên năm 2014, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng quyền hạn, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.
 - Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị với tư cách giám sát và có ý kiến đóng góp trong việc thực hiện các mục tiêu và kế hoạch của Công ty.
 - Xem xét và đánh giá hoạt động của Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính, kinh doanh năm 2014.
 - Giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ pháp luật của Hội Đồng quản trị và Ban Điều hành.
 - Ban Kiểm soát đã tham gia kiểm tra hoạt động báo cáo tài chính định kỳ nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.
 - Phối hợp với phòng Tài Chính Kế toán tham gia công tác kiểm kê định kỳ vào cuối thời điểm báo cáo.
 - Được sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi của Hội Đồng Quản trị và các phòng ban chức năng trong Công ty cho Ban kiểm soát hoàn thành công tác kiểm soát trong năm.

13. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát.

13.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

- Năm 2014, số tiền thù lao đã chi cho HĐQT và Ban kiểm soát là 307.200.000 đồng bằng 83,66% tổng thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và Ban kiểm soát đã được phê duyệt tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 ngày 30/6/2014. cụ thể:

STT	Đơn vị	Tổng thù lao (VNĐ)
1	Hội đồng quản trị	220.800.000
2	Ban kiểm soát	86.400.000
Tổng cộng		307.200.000

- Ban giám đốc không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tại Công ty ngoài tiền lương, thưởng theo quy chế tiền lương, thưởng của Công ty đã được duyệt theo quy định.

13.2 Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

- Không có giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ trong năm 2014

13.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

- Trong năm 2014, không có hợp đồng hoặc giao dịch của cổ đông nội bộ.

13.4 Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

- Công ty luôn chấp hành và thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

14. Báo cáo tài chính hợp nhất:

14.1 Ý kiến kiểm toán

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4, 168 Đường Láng, phường Thịnh Quang
quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 202/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/05/2015, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với ý kiến ngoại trừ do Kiểm toán viên không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại 360 Giải Phóng chưa thi công xong phần móng và đang tạm dừng thi công nên Công ty chưa nộp tiền sử dụng đất và chưa xác định tiền chậm nộp theo qui định hiện hành của thuế.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Văn phòng Hồ Chí Minh
Lầu 6, số 159 Điện Biên Phủ, P.15
Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-8) 3840 6618; Fax: (84-8) 3840 6616

Văn phòng Hải Phòng
499 Quán Toan, P. Quán Toan
Q. Hồng Bàng, Tp. Hải Phòng
Tel: (84-31) 353 4655; Fax: (84-31) 353 4316

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 176/VACO/BCKT.NV2 ngày 10/04/2015 do Công ty đã thực hiện hợp nhất bổ sung khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán đã tăng 557.048.940 đồng, khoản lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh tăng 254.796.870 đồng.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chữ Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2015

14.2 Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán (Đính kèm báo cáo này)

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch
TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kiểm toán. Tư vấn Tài chính và Thuế
Audit. Finance & Tax Advisory

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 27



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng	Chủ tịch
Bà Vũ Thị Minh Thục	Thành viên
Ông Phan Trung Nam	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Hương	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Văn Hiếu	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Hoàng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tác	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Số: 202/VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11/05/2015, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của công ty con là Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long với ý kiến ngoại trừ do Kiểm toán viên không được tham gia chứng kiến kê tiền mặt tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và Dự án xây dựng Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại 360 Giải Phóng chưa thi công xong phần móng và đang tạm dừng thi công nên Công ty chưa nộp tiền sử dụng đất và chưa xác định tiền chậm nộp theo qui định hiện hành của thuế.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề được nêu trong đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành thay thế cho báo cáo kiểm toán số 176/VACO/BCKT.NV2 ngày 10/04/2015 do Công ty đã thực hiện hợp nhất bổ sung khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết và khoản lợi nhuận (lỗ) sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán đã tăng 557.048.940 đồng, khoản lợi nhuận (lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên báo cáo kết quả kinh doanh tăng 254.796.870 đồng.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Chử Mạnh Hoan
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 1403-2013-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		249.022.219.183	219.587.592.680
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.824.115.406	38.496.500.592
1. Tiền	111		15.774.115.406	26.048.350.592
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.050.000.000	12.448.150.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	41.700.450.000	17.551.850.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		41.700.450.000	17.551.850.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		103.692.540.343	81.993.386.987
1. Phải thu khách hàng	131	7	114.360.221.402	94.445.542.716
2. Trả trước cho người bán	132		3.605.164.891	2.476.312.624
3. Các khoản phải thu khác	135	8	11.508.161.533	10.486.440.804
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25.781.007.483)	(25.414.909.157)
IV. Hàng tồn kho	140	9	72.365.203.976	68.483.045.363
1. Hàng tồn kho	141		75.550.038.786	68.805.373.067
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.184.834.810)	(322.327.704)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12.439.909.458	13.062.809.738
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		564.609.850	236.102.065
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.252.432.301	5.685.363.924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	132.289.753	81.957.841
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	5.490.577.554	7.059.385.908
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		336.429.751.638	371.090.067.472
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		24.000.000	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		24.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		170.058.338.781	182.733.778.307
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	91.232.207.047	103.460.835.804
- Nguyên giá	222		194.224.817.383	194.385.383.695
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(102.992.610.336)	(90.924.547.891)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	19.324.426.005	19.980.267.336
- Nguyên giá	228		24.658.558.711	24.658.558.711
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(5.334.132.706)	(4.678.291.375)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	59.501.705.729	59.292.675.167
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		162.730.766.573	184.606.355.250
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	25.168.324.060	28.700.673.415
2. Góp vốn liên doanh	253	16	125.869.942.513	144.213.181.835
3. Đầu tư dài hạn khác	258	17	11.692.500.000	11.692.500.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		3.616.646.284	3.749.933.915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	18	3.616.646.284	3.411.963.147
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	337.970.768
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		585.451.970.821	590.677.660.152

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu số B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		551.115.429.202	540.806.014.223
I. Nợ ngắn hạn	310		391.349.828.096	422.579.763.926
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	19	248.186.117.390	236.403.166.888
2. Phải trả người bán	312	20	91.550.891.607	74.525.287.368
3. Người mua trả tiền trước	313		1.819.362.565	3.915.461.713
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	21	12.394.785.203	54.300.718.888
5. Phải trả người lao động	315		3.389.597.317	3.328.029.281
6. Chi phí phải trả	316		10.580.223.412	6.316.416.400
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	23.211.331.777	43.573.769.328
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		217.518.825	216.914.060
II. Nợ dài hạn	330		159.765.601.106	118.226.250.297
1. Phải trả dài hạn khác	333	23	61.675.634.933	119.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	24	97.794.511.523	117.577.163.391
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	211.905.034
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		295.454.650	318.181.872
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		26.750.139.830	46.624.187.434
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	26.050.519.657	46.150.013.466
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		194.289.130.000	194.289.130.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.094.448.460	987.009.232
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		149.103.570	133.256.578
4. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế chưa phân phối	420		(169.482.162.373)	(149.259.382.344)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		699.620.173	474.173.968
1. Nguồn kinh phí	432		699.620.173	474.173.968
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		7.586.401.789	3.247.458.495
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400+439)	440		585.451.970.821	590.677.660.152

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị tính	31/12/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dolla Mỹ	USD	6.397,94	376.713,93
- Đồng EURO	EUR		79,70


Trần Thị Phụng
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015


Phan Trung Nam
Kế toán trưởng



Lê Hoàng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		701.803.629.110	920.605.780.395
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		5.038.429.385	7.423.318.264
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	696.765.199.725	913.182.462.131
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	661.573.722.598	866.945.431.538
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		35.191.477.127	46.237.030.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	6.775.404.604	8.667.202.366
7. Chi phí tài chính	22	31	33.432.255.937	83.487.631.519
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		27.348.899.619	35.819.602.444
8. Chi phí bán hàng	24		9.972.224.187	12.912.810.234
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		31.590.806.807	57.327.663.363
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		(33.028.405.200)	(98.823.872.157)
11. Thu nhập khác	31		1.869.740.084	730.615.070
12. Chi phí khác	32		571.582.376	14.884.414.874
13. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40	32	1.298.157.708	(14.153.799.804)
14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	45		1.260.341.624	16.495.784.210
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		(30.469.905.868)	(96.481.887.751)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		691.449.256	650.880.420
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(126.065.734)
18. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(31.161.355.124)	(97.006.702.437)
Trong đó:				
- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	62		389.149.653	(3.935.659.943)
- Lợi ích của Cổ đông công ty mẹ	63		(31.550.504.777)	(93.071.042.494)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	(1.604)	(4.993)

Trần Thị Phụng
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Phan Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2014	Năm 2013
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	890.668.666.395	1.037.218.605.858
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(808.822.760.782)	(972.835.497.267)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(28.252.081.534)	(29.674.442.924)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(22.566.944.395)	(26.682.144.363)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(642.962.300)	(1.102.828.528)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	19.559.052.706	6.560.705.843
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(50.859.438.045)	(40.076.249.284)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(916.467.955)	(26.591.850.665)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.949.418.065)	(242.140.541)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	995.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(52.070.450.000)	(27.065.610.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	27.621.850.000	9.777.060.000
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	980.000.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	26.204.968.519	12.997.602.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.781.950.454	(4.533.087.696)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	473.983.499.585	584.316.073.273
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(492.693.294.940)	(553.999.477.404)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.808.692.595)	(2.047.914.804)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(20.518.487.950)	28.268.681.065
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(19.653.005.451)	(2.856.257.296)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	38.496.500.592	41.373.158.181
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(19.379.735)	(20.400.293)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	18.824.115.406	38.496.500.592

Trần Thị Phụng
Người lập biểu

TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015

Phan Trung Nam
Kế toán trưởng

Lê Hoàng
Tổng Giám đốc



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam là doanh nghiệp được cổ phần hoá từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Nhựa Việt Nam theo Quyết định số 2575/QĐ-BCN ngày 26/07/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương) về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Nhựa Việt Nam thành Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam và Quyết định số 4824/QĐ-BTC ngày 04/09/2008 của Bộ Công thương về sửa đổi khoản 1, điều 1 Quyết định số 2575/QĐ-BCN. Công ty hoạt động theo Giấy nhận đăng ký kinh doanh số 41003011383 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/09/2008; Giấy chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 20/08/2013 với mã số doanh nghiệp là 0300381966. Vốn điều lệ của Công ty là 198.000.000.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm từ plastic.

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Đại lý, môi giới, đấu giá; Tổ chức sự kiện và xúc tiến thương mại;
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đầu;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- In ấn; Quảng cáo;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; Sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện;
- Sản xuất các sản phẩm từ giấy và bìa chưa được phân vào đầu;
- Bán lẻ hàng hoá khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Tái chế phế liệu; Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Sản xuất thiết bị điện khác;
- Vận tải hàng hoá bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bốc xếp hàng hoá;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn thực phẩm; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản (không hoạt động tại trụ sở).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực áp dụng sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2015. Những quy định trái với Thông tư này đều bãi bỏ. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính
	Năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	08 - 25
Máy móc và thiết bị	12
Phương tiện vận tải	06
Thiết bị quản lý	03 - 07

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất: Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Phần mềm máy tính: Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của phần mềm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là một công ty mà Công ty có quyền kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này. Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Trên báo cáo tài chính riêng, đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận theo giá gốc.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác khi các khoản đầu tư dài hạn khác lớn hơn vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ trích lập dựa trên tỷ lệ giữa số vốn đầu tư của Công ty và tổng số vốn góp thực tế của các bên vào các đơn vị này.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn là giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng 03 (ba) năm.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn góp thực tế của các cổ đông. Phần phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo nghị quyết của đại hội đồng cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Tại ngày 31/12/2014, trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có khoản lỗ lũy kế tính thuế là 170.039.211.313 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai (tối đa không quá 5 năm phát sinh lỗ). Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại cho khoản lỗ tính thuế trên do Công ty chưa chắc chắn được về kế hoạch lợi nhuận trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	7.354.889.056	9.259.273.628
Tiền gửi ngân hàng	8.419.226.350	16.789.076.964
Các khoản tương đương tiền (i)	3.050.000.000	12.448.150.000
Cộng	18.824.115.406	38.496.500.592

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền thể hiện số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các ngân hàng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	41.700.450.000	17.551.850.000
Cộng	41.700.450.000	17.551.850.000

Ghi chú: (i) Bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến một năm tại các ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	42.598.881.024	46.965.319.774
Công ty TNHH Mainetti (Việt Nam)	18.197.980.123	8.215.820.116
Công ty TNHH MTV Thương Mại Bìa Sài Gòn	8.130.604.416	4.188.500.800
Công ty Cổ phần Công nghệ Cấp quang và Thiết bị Bưu Điện	4.259.133.019	3.387.178.299
Nhà máy bia Đông Nam Á	3.658.337.100	-
Công ty TNHH Thương Mại và Công nghiệp Mỹ Việt	3.404.240.000	-
Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc	3.129.632.000	4.083.620.200
Công ty TNHH Công Nghiệp Hợp Phát	2.669.970.418	2.669.970.418
Chi nhánh Công ty Cổ phần Nhựa Thống Nhất	2.234.207.877	2.818.637.278
Công ty TNHH Trần Tuyền	1.808.575.110	2.500.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Nhựa Trung Việt	1.783.774.824	2.315.888.556
Công ty Cổ Phần Nhựa Tân Phú	1.532.648.116	2.235.519.267
Công ty TNHH Anh Đạt	1.462.469.388	1.454.718.630
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	1.460.068.672	1.797.324.159
Chi nhánh 2 Công ty TNHH Việt Ý	1.410.849.842	1.410.849.842
Công ty TNHH TM-DV Mai Khang Hưng	1.307.450.240	-
Công ty TNHH MTV 76	1.119.268.000	-
Các đối tượng khác	14.192.131.233	10.402.195.377
Cộng	114.360.221.402	94.445.542.716

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty TNHH Liên Doanh Việt Thái PlastChem	4.844.849.703	4.381.600.230
Công ty TNHH Nhựa và Hóa Chất TPC VINA	3.225.000.000	-
Công ty Cổ Phần Nhựa Vân Đồn	499.932.000	-
Các đối tượng khác	2.938.379.830	6.104.840.574
Cộng	11.508.161.533	10.486.440.804

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	845.349.612	6.257.463.553
Nguyên liệu, vật liệu	29.662.591.120	23.324.580.732
Công cụ, dụng cụ	23.897.572	128.761.852
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.676.616.374	6.020.120.646
Thành phẩm	16.556.886.832	16.044.229.941
Hàng hoá	18.784.697.276	17.030.216.343
Cộng	75.550.038.786	68.805.373.067
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.184.834.810)	(322.327.704)
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	72.365.203.976	68.483.045.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	67.138.594	81.957.841
Các khoản khác phải thu Nhà nước	65.151.159	-
Cộng	132.289.753	81.957.841

11. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	173.307.656	-
Tạm ứng	3.124.909.478	4.712.132.623
Cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.192.360.420	2.347.253.285
Cộng	5.490.577.554	7.059.385.908

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	56.891.507.264	126.244.205.973	9.795.119.869	1.454.550.589	194.385.383.695
Tăng trong năm	128.446.670	1.169.384.000	930.454.545	-	2.228.285.215
- Mua sắm	-	1.169.384.000	930.454.545	-	2.099.838.545
- Đầu tư, xây dựng cơ bản	128.446.670	-	-	-	128.446.670
Giảm trong năm	-	(1.905.574.310)	(483.277.217)	-	(2.388.851.527)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.905.574.310)	(483.277.217)	-	(2.388.851.527)
Phân loại lại	-	(251.310.078)	251.310.078	-	-
Tại ngày 31/12/2014	57.019.953.934	125.256.705.585	10.493.607.275	1.454.550.589	194.224.817.383
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	12.612.741.795	70.858.919.704	6.506.351.172	946.535.220	90.924.547.891
Khấu hao trong năm	2.653.308.562	10.386.531.167	1.127.096.882	152.534.708	14.319.471.319
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.905.574.310)	(345.834.564)	-	(2.251.408.874)
Phân loại lại	-	(226.409.212)	226.409.212	-	-
Tại ngày 31/12/2014	15.266.050.357	79.113.467.349	7.514.022.702	1.099.069.928	102.992.610.336
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2014	44.278.765.469	55.385.286.269	3.288.768.697	508.015.369	103.460.835.804
Tại ngày 31/12/2014	41.753.903.577	46.143.238.236	2.979.584.573	355.480.661	91.232.207.047

Giá trị còn lại của các tài sản đem cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng tại ngày 31/12/2014 là 68.568.384.727 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 106.623.014.281 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2014 với giá trị là 16.973.111.973 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 16.547.241.649 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	24.266.228.591	392.330.120	24.658.558.711
Tại ngày 31/12/2014	24.266.228.591	392.330.120	24.658.558.711
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	4.544.815.551	133.475.824	4.678.291.375
Khấu hao trong năm	614.594.651	41.246.680	655.841.331
Tại ngày 31/12/2014	5.159.410.202	174.722.504	5.334.132.706
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2014	19.721.413.040	258.854.296	19.980.267.336
Tại ngày 31/12/2014	19.106.818.389	217.607.616	19.324.426.005

Ghi chú: (i) Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2014 là 19.106.818.389 đồng (tại ngày 31/12/2013 là 19.721.413.040 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký với ngân hàng.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	59.501.705.729	59.292.675.167
<i>Một số công trình chính:</i>		
Dự án xây dựng trụ sở, văn phòng cho thuê tại 360 Giải Phóng, Hà Nội	59.330.798.512	59.114.968.850
Dự án Nhà máy tái chế	13.636.363	13.636.363
Dự án Dây truyền sản xuất tấm chống thấm	134.318.334	134.318.334
Dự án Chuỗi cách điện Silicon	22.952.520	22.952.520
Dự án khác	-	6.799.100

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

a. Chi tiết cho cổ phiếu của từng công ty liên kết

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)	Số lượng (Cổ phiếu)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Nhựa Văn Đồn	1.676.080	16.961.554.628	1.676.080	16.961.554.628
Công ty Cổ phần SXTM Dịch vụ Nhựa Mộc Nghệ An	-	-	98.000	980.000.000
Công ty Cổ phần Youn Chon Vina	4.300.800	43.008.000.000	4.300.800	43.008.000.000
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		(34.801.230.568)		(32.248.881.213)
Cộng		25.168.324.060		28.700.673.415

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	Tp. Hồ Chí Minh	20,69%	20,69%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic
Công ty Cổ phần Youn Chon Vina	Tp. Hồ Chí Minh	30,00%	30,00%	Sản xuất sản phẩm nhựa plastic

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên kết của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	707.015.669.312	614.614.457.094
Tổng công nợ	597.098.751.009	527.763.713.602
Tài sản thuần	109.916.918.303	86.850.743.492
Phần tài sản thuần Công ty đầu tư vào công ty liên kết	25.168.324.060	28.700.673.416
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	1.204.678.392.182	1.394.619.802.417
Lợi nhuận thuần	(5.895.843.956)	(12.687.235.192)
Lợi nhuận thuần từ khoản đầu tư vào công ty liên kết	(1.874.727.701)	(3.649.193.715)

16. GÓP VỐN LIÊN DOANH

a. Chi tiết giá trị đầu tư của từng công ty liên doanh

	31/12/2014		01/01/2014	
	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị (VND)
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	27,5%	15.279.075.966	27,5%	15.279.075.966
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	15,0%	89.705.850.000	15,0%	89.705.850.000
Giá trị hợp nhất theo phương pháp vốn chủ		20.885.016.547		39.228.255.869
Cộng		125.869.942.513		144.213.181.835

b. Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty liên doanh	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ (%)	Hoạt động chính
Công ty TNHH Liên doanh Việt Thái PlastChem	Tỉnh Bình Dương	27,51%	27,51%	Sản xuất hạt nhựa PVC
Công ty TNHH Nhựa và Hoá chất TPC Vina	Tỉnh Đồng Nai	15,00%	15,00%	Sản xuất bột nhựa PVC

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

16. GÓP VỐN LIÊN DOANH (Tiếp theo)

c. Thông tin tài chính tóm tắt về các công ty liên doanh của Công ty được trình bày như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tổng tài sản	1.760.615.977.048	1.809.504.151.787
Tổng công nợ	973.985.569.017	917.546.770.631
Tài sản thuần	786.630.408.031	891.957.381.156
Phân tài sản thuần Công ty đầu tư vào liên doanh	125.869.942.513	144.213.181.835
	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu	3.696.697.564.539	3.720.924.771.581
Lợi nhuận thuần	9.638.735.672	117.969.382.460
Phân lợi nhuận thuần của Công ty trong liên doanh	3.135.069.326	20.144.977.925

17. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	Số lượng (Cổ phiếu)	Số lượng (Cổ phiếu)
	Giá trị (VND)	Giá trị (VND)
Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú (i)	976.140	976.140
Công ty Cổ phần Bao bì Habeco	30.000	30.000
Cho vay dài hạn	-	-
Cộng	11.692.500.000	11.692.500.000

Ghi chú: (i) Đầu tư dài hạn tại Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú thể hiện khoản đầu tư dài hạn chứng khoán niêm yết với tỷ lệ 19,52%.

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	2.386.148.888	-
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	696.837.238	177.701.226
Chi phí trả trước dài hạn khác	533.660.158	3.234.261.921
Cộng	3.616.646.284	3.411.963.147

19. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn từ tổ chức tín dụng	194.715.748.427	192.367.346.435
Ngân hàng TM CP Á Châu - CN Bình Tây	-	10.810.297.000
NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	53.376.903.891	52.704.836.229
NH TM CP VN Thương Tín (Vietbank)	14.889.320.000	30.000.000.000
NH TMCP ĐT&PT Việt Nam	70.252.623.955	55.777.314.102
Ngân hàng TP Bank - CN Sài Gòn	13.905.423.555	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	22.670.638.696	19.951.529.153
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	12.416.000.000	10.740.395.758
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	7.204.838.330	8.255.315.879
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	4.127.658.314
Vay ngắn hạn các cá nhân	17.987.380.933	26.013.391.607
Vay ngắn hạn cá nhân	17.987.380.933	26.013.391.607
Nợ dài hạn đến hạn trả	35.482.988.030	18.022.428.846
Cộng	248.186.117.390	236.403.166.888

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Nhựa Yout Chon Vina	34.312.714.858	57.635.823.920
Mitsubishi Corporation Singapore Branch Singapore	9.221.014.688	-
Marubeni Chemical Asia Pacific	6.644.632.500	-
Công ty TNHH Hóa Chất Hoa Minh	4.546.277.500	3.226.877.500
Công ty TNHH Hưng Nghiệp FORMOSA	4.289.076.966	-
Tricon Dry Chemicals	3.467.880.000	-
Noble Resources International Pte Ltd	3.311.735.625	-
ShinKong Synthetic Fibers Corp	2.968.066.200	-
Công ty TNHH Sản xuất TM & DV VIKO	1.804.067.107	-
Bayer Material Science Limited	1.673.596.640	1.644.922.080
CPG Polymer (Hong Kong) Limited	1.147.284.000	-
Công ty CP Vật liệu bao bì nhựa Golden Web	1.009.000.000	1.859.370.000
Công ty Cổ phần Nhựa Vân Đồn	922.641.120	922.641.120
Công ty CP Xuất nhập khẩu Ngọc Diệp	750.000.000	-
Các đối tượng khác	15.482.904.403	9.235.652.748
Cộng	91.550.891.607	74.525.287.368

21. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	1.398.529.169	1.473.972.723
Thuế thu nhập doanh nghiệp	487.588.668	521.158.415
Thuế thu nhập cá nhân	492.756.635	673.765.756
Thuế nhà đất	-	41.608.405.785
Tiền thuê đất	26.494.522	-
Các loại thuế khác	2.500.000	1.500.000
Phí, lệ phí và các khoản phí nộp khác	9.986.916.209	10.021.916.209
Cộng	12.394.785.203	54.300.718.888

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Bộ Tài chính - Tiền cổ tức phải trả	20.879.143.040	20.879.143.040
Công ty CP Đầu tư và Phát triển xây dựng I - Hà Nội	-	17.898.798.413
Công ty CP Đầu tư và Phát triển XD - Investco	-	2.000.000.000
Kinh phí công đoàn	424.066.436	565.420.254
Bảo hiểm xã hội	239.886.413	399.082.937
Bảo hiểm y tế	5.672	79.289.689
Bảo hiểm thất nghiệp	3.780	32.524.788
Phải trả ngắn hạn khác	1.668.226.436	1.719.510.207
Cộng	23.211.331.777	43.573.769.328

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền thuê đất (i)	41.608.405.785	-
Vốn góp vào dự án (ii)	19.940.229.148	-
Phải trả dài hạn khác	127.000.000	119.000.000
Cộng	61.675.634.933	119.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)

Ghi chú:

- (i) Tiền thuê đất phải nộp Ngân sách Nhà nước của Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại 360 Giải Phóng. Theo Công văn số 434/NTL-BALDA-TCHC ngày 4/7/2012 của Công ty Cổ phần Nhựa Thăng Long gửi UBND TP Hà Nội, Sở Tài chính Hà Nội, Cục thuế Hà Nội, UBND Quận Thanh Xuân về việc xin gia hạn tiền sử dụng đất Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại 360 Giải Phóng, theo đó Dự án này chưa làm xong phần móng và đã tạm dừng thi công nên Công ty chưa nộp tiền thuê đất và cũng chưa xác định tiền chậm nộp thuế theo quy định về thuế hiện hành. Công ty đang tiếp tục làm việc với các cơ quan có thẩm quyền về việc tạm dừng Dự án này và tạm chưa nộp tiền sử dụng đất.
- (ii) Vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng số tiền 2.000.0000.000 đồng và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng 1 - Hà Nội số tiền 17.940.229.148 đồng vào Dự án Tòa nhà văn phòng làm việc, giới thiệu sản phẩm, nhà để xe và nhà ở để bán tại 360 Giải Phóng với tổng mức đầu tư là 499,358 tỷ đồng.

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn Ngân hàng Phát triển Việt Nam (i)	97.578.217.082	117.145.787.391
Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân Đội	216.294.441	431.376.000
Cộng	97.794.511.523	117.577.163.391

Ghi chú: (i) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng vay dài hạn số 01/2006/HĐTD-ODA-TDTW1 đã ký kết với Quỹ hỗ trợ phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh) với số tiền 49.010.105 CNY để đầu tư dây chuyền thiết bị sản xuất khuôn mẫu và trục in dự án. Thời hạn cho vay là 15 năm, trong đó có 05 năm ân hạn từ ngày hiệp định có hiệu lực do Bộ Tài chính thông báo. Khoản vay chịu lãi suất 3,2%/năm tính trên dư nợ cho vay. Khoản vay này sẽ được trả lãi nhiều lần bắt đầu từ ngày 10/09/2011 đến ngày 10/03/2021 vào ngày 10/3 và ngày 10/9 hàng năm.

Tại ngày 11/04/2014, Bộ Công thương đã gửi cho Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch II Công văn số 2946/ BCT-CNN về việc xác nhận hồ sơ xử lý rủi ro của Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam, theo đó Bộ Công thương đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần Nhựa Việt Nam tiến hành các thủ tục để khoan nợ, giãn nợ đối với khoản vay ODA này. Tại thời điểm ngày 31/12/2014 Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các thủ tục để khoan nợ, giãn nợ cho khoản vay ODA đồng thời chờ văn bản chấp thuận của Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở Giao Dịch II.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trong vòng một năm	35.482.988.030	18.238.116.846
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	71.182.270.480	72.305.403.383
Sau năm năm	26.612.241.043	45.056.072.008
	133.277.499.553	135.599.592.237
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	35.482.988.030	18.022.428.846
Số phải trả sau 12 tháng	97.794.511.523	117.577.163.391

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2013	194.289.130.000	714.821.033	143.050.019	(21.434.560.109)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(93.071.042.494)
Phân phối lợi nhuận	-	8.009.497	16.018.994	(2.875.938.744)
Tăng/(Giảm) khác	-	264.178.702	(25.812.435)	(31.629.283.770)
Truy thu thuế TNDN	-	-	-	(248.557.227)
Số dư tại ngày 01/01/2014	194.289.130.000	987.009.232	133.256.578	(149.259.382.344)
Lãi (lỗ) trong năm	-	-	-	(31.550.504.777)
Phân phối lợi nhuận	-	107.439.228	15.846.992	(135.585.765)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(157.600.609)
Tăng/(Giảm) khác	-	-	-	11.620.911.122
Số dư tại ngày 31/12/2014	194.289.130.000	1.094.448.460	149.103.570	(169.482.162.373)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn đầu tư của Nhà nước	127.943.420.000	65,85	127.943.420.000	65,85
Các cổ đông khác	66.345.710.000	34,15	66.345.710.000	34,15
Cộng	194.289.130.000	100	194.289.130.000	100

c. Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	19.428.913	19.428.913
+ Cổ phiếu phổ thông	19.428.913	19.428.913
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

26. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Trong năm, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh thương mại là chính, không phát sinh các hoạt động theo nhiều lĩnh vực kinh doanh, theo đó, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm 2014, Công ty không phải lập báo cáo theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG HOÁ VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm	688.748.857.454	805.524.516.107
- Doanh thu bán thành phẩm	-	98.910.556.258
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	13.054.771.656	16.170.708.030
	701.803.629.110	920.605.780.395
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Chiết khấu thương mại	-	6.000.000
- Giảm giá hàng bán	87.099.323	1.185.672.171
- Hàng bán bị trả lại	4.951.330.062	6.231.646.093
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	696.765.199.725	913.182.462.131

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn cung cấp hàng hoá, thành phẩm	653.934.054.023	856.511.617.364
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	4.942.506.777	10.433.814.174
Dự phòng Giảm giá hàng tồn kho	2.697.161.798	-
Cộng	661.573.722.598	866.945.431.538

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	144.385.601.754	112.682.908.534
Chi phí nhân công	33.109.148.212	26.947.052.768
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.975.312.650	14.898.190.835
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.206.218.841	21.940.984.114
Chi phí khác	13.981.216.496	9.925.959.430
Chi phí dự phòng	20.636.403.731	25.955.989.277
Cộng	235.293.901.684	212.351.084.958

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.116.019.388	2.594.469.369
Cổ tức, Lợi nhuận được chia	869.112.000	78.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.940.514.182	1.842.784
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	96.192.218	71.868.967
Lãi bán hàng trả chậm	694.528.765	5.920.621.246
Doanh thu hoạt động tài chính khác	59.038.051	-
Cộng	6.775.404.604	8.667.202.366

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	27.348.899.619	35.819.602.444
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.935.245.296	2.676.126.037
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	66.690.512	38.625.147.728
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	326.072.850	6.245.793.255
Dự phòng giảm giá các khoản ĐT ngắn hạn, dài hạn	3.698.205.694	-
Chi phí tài chính khác	57.141.966	120.962.055
Cộng	33.432.255.937	83.487.631.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. LỢI NHUẬN/(LỖ) KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu từ thanh lý tài sản cố định	1.144.999.993	272.274.917
Thu nhập khác	724.740.091	458.340.153
Cộng	1.869.740.084	730.615.070
<i>Chi phí khác</i>		
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	70.383.150	-
Chi phí khác	501.199.226	14.884.414.874
Cộng	571.582.376	14.884.414.874
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	1.298.157.708	(14.153.799.804)

33. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(31.161.355.124)	(97.006.702.437)
Lợi nhuận trong năm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(31.161.355.124)	(97.006.702.437)
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	19.428.913	19.428.913
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ	(1.604)	(4.993)

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 24 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Các khoản vay	345.980.628.913	353.980.330.279
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(18.824.115.406)	(38.496.500.592)
Nợ thuần	327.156.513.507	315.483.829.687
Vốn chủ sở hữu	26.750.139.830	46.624.187.434
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1223,01%	676,65%

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.824.115.406	38.496.500.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.868.382.935	104.931.983.520
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.700.450.000	17.551.850.000
Đầu tư tài chính dài hạn	162.730.766.573	184.606.355.250
Các khoản ký quỹ	2.192.360.420	2.347.253.285
Tổng cộng	351.316.075.334	347.933.942.647
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	345.980.628.913	353.980.330.279
Phải trả người bán và phải trả khác	176.437.858.317	118.218.056.696
Chi phí phải trả	10.580.223.412	6.316.416.400
Tổng cộng	532.998.710.642	478.514.803.375

Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2014	01/01/2014	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND	VND	VND
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	938.379.518	6.731.636.171	33.564.590.145	3.308.626.224
<i>Euro (EUR)</i>	-	4.331.312	-	-
<i>Nhân dân tệ (CNY)</i>	-	22.409.877.160	133.061.205.112	135.168.216.238

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 31/12/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.824.115.406	-	18.824.115.406
Phải thu khách hàng và phải thu khác	125.868.382.935	-	125.868.382.935
Đầu tư tài chính ngắn hạn	41.700.450.000	-	41.700.450.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	162.730.766.573	162.730.766.573
Các khoản ký quỹ	2.192.360.420	-	2.192.360.420
Tổng cộng	188.585.308.761	162.730.766.573	351.316.075.334
Tại 31/12/2014			
Các khoản vay	248.186.117.390	97.794.511.523	345.980.628.913
Phải trả người bán và phải trả khác	114.762.223.384	61.675.634.933	176.437.858.317
Chi phí phải trả	10.580.223.412	-	10.580.223.412
Tổng cộng	373.528.564.186	159.470.146.456	532.998.710.642
Chênh lệch thanh khoản thuần	(184.943.255.425)	3.260.620.117	(181.682.635.308)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tại 01/01/2014			
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.496.500.592	-	38.496.500.592
Phải thu khách hàng và phải thu khác	104.931.983.520	-	104.931.983.520
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.551.850.000	-	17.551.850.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	184.606.355.250	184.606.355.250
Các khoản ký quỹ	2.347.253.285	-	2.347.253.285
Tổng cộng	163.327.587.397	184.606.355.250	347.933.942.647
Tại 01/01/2014			
Các khoản vay	236.403.166.888	117.577.163.391	353.980.330.279
Phải trả người bán và phải trả khác	118.099.056.696	119.000.000	118.218.056.696
Chi phí phải trả	6.316.416.400	-	6.316.416.400
Tổng cộng	360.818.639.984	117.696.163.391	478.514.803.375
Chênh lệch thanh khoản thuần	(197.491.052.587)	66.910.191.859	(130.580.860.728)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao; Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

35. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 của Công ty, ngoài vấn đề sau:

- Theo Quyết định số 05/QĐ-NVN-HĐQT ngày 19/03/2015 của Hội đồng quản trị về phê duyệt việc chuyển nhượng cổ phần; và Báo cáo về sở hữu của Cổ đông lớn số 117/BC-NVN-TGD ngày 31/3/2015. Công ty đã chuyển nhượng thành công toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú với số lượng cổ phần là 1.304.708 cổ phần (chiếm 19,52% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Tân Phú) tại ngày 27/3/2015;
- Theo quyết định của Hội đồng Quản trị số 09/QĐ-NVN-HĐQT ngày 24/03/2015 về việc phê duyệt chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty tại Công ty cổ phần Nhựa Bắc Giang với số lượng cổ phần là 12.240 cổ phần (chiếm 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Nhựa Bắc Giang); Công ty sẽ chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Cổ phần Nhựa Bắc Giang.

36. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan.

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	<u>Năm 2014</u>
	<u>VND</u>
Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc	403.914.000
Thù lao của Hội đồng Quản trị	307.200.000
Cộng	711.114.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2013 đã được kiểm toán.



Trần Thị Phụng
Người lập biểu
TP. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 05 năm 2015



Phan Trung Nam
Kế toán trưởng



Lê Hoàng
Tổng Giám đốc